



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NĂM 2018

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 04 năm 2019

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM.
- Tên tiếng Anh : VIETNAM OCEAN SHIPPING AGENCY CORPORATION.
- Tên viết tắt : VOSA CORPORATION.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0300437898.
- Vốn điều lệ: 140.964.860.000 đồng.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 140.964.860.000 đồng.
- Địa chỉ: Lầu 5 Petroland Tower, Số 12 Tân Trào, P. Tân Phú, Q. 7, TP. Hồ Chí Minh.
- Số điện thoại: (84 - 28) 54161820 – 54161821 – 54161822.
- Số fax: (84 - 28) 54161823 – 54161824.
- Website: <http://www.vosa.com.vn>
- Mã cổ phiếu: VSA

❖ Quá trình hình thành và phát triển:

- Quá trình hình thành và phát triển:
 - + Công ty Đại lý Tàu biển Việt Nam, nay là Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam, được thành lập ngày 13/03/1957 theo Nghị định số 50/NĐ của Bộ Giao thông và Bưu điện.
 - + Ngày 08/08/1989: Công ty Đại lý Tàu biển Việt Nam được đổi tên thành Đại lý Hàng hải Việt Nam theo Quyết định số 1436/QĐ/TCCB-LĐ của Bộ Giao thông vận tải.
 - + Ngày 12/05/1993: Đại lý Hàng hải Việt Nam (VOSA) được thành lập lại theo Quyết định số 885/QĐ/TCCB-LĐ của Bộ Giao thông Vận tải, là doanh nghiệp hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam.
 - + Ngày 30/12/2005: Bộ Giao Thông Vận Tải ra Quyết định số 5099/QĐ-BGTVT về việc “Phê duyệt phương án và chuyển Đại lý hàng hải Việt Nam, đơn vị thành viên hạch toán độc lập của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam thành công ty cổ phần”.
 - + Ngày 31/03/2006: Bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng tại Trung tâm giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.
 - + Ngày 14/06/2006: Đại hội cổ đông thành lập Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam.
 - + Ngày 20/10/2006: Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam nhận Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số: 4103005432 do Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch & Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp. Giấy Chứng nhận Đăng ký đã được bổ sung, sửa đổi lần thứ 08 (ngày 20/09/2018).
- Các sự kiện khác:
 - + Ngày 01/02/2007: Công ty TNHH NYK Line Việt Nam (liên doanh giữa NYK Line và VOSA) chính thức đi vào hoạt động.
 - + Ngày 13/03/2007: Công ty đã tổ chức Lễ kỷ niệm 50 năm ngày thành lập (13/03/1957 – 13/03/2007).

- + Ngày 30/06/2011: Công ty đã trình ĐHCĐ thường niên năm 2011 thông qua việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ tổ chức & hoạt động của Công ty.
- + Ngày 21/02/2012: Công ty đã tổ chức Lễ khai trương Kho chứa hàng Nông sản Bunge – Cái Lân và công bố Quyết định thành lập Trung tâm Logistics Cái Lân.
- + Ngày 13/03/2012: Công ty đã tổ chức Lễ kỷ niệm 55 năm ngày thành lập (13/03/1957 – 13/03/2012).
- + Ngày 10/09/2013: VOSA và Yusen Logistics (Singapore) Pte. Ltd., ký Hợp đồng liên doanh thành lập Công ty TNHH Yusen Logistics và Vận tải Việt Nam (YLTV). Công ty YLTV chính thức hoạt động từ 17/01/2014.
- + Ngày 31/03/2014: VOSA chuyển nhượng 50% vốn điều lệ tại Công ty TNHH Yusen Logistics (Việt Nam) cho đối tác Yusen Logistics (Singapore) Pte. Ltd.,
- + Ngày 01/10/2014: Công ty được Nhà nước tặng thưởng Huân chương lao động Hạng 3 “đã có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 2009 đến năm 2013, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc”.
- + Ngày 15/01/2015: Công ty được tặng Cờ thi đua xuất sắc năm 2014 của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam.
- + Ngày 31/03/2015: VOSA chuyển nhượng 49% vốn điều lệ tại Công ty TNHH NYK Line (Việt Nam) cho đối tác NYK Line Nhật Bản.
- + Ngày 22/12/2015: cổ phiếu Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam đã chính thức được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã niêm yết là VSA và giá chào sàn là 37.000 đồng/cổ phiếu.



Hình ảnh: Lễ khai trương giao dịch cổ phiếu VSA tại sàn giao dịch HNX ngày 22/12/2015.

- + Ngày 25/05/2016: Công ty đã tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2016.
- + Ngày 04/07/2016: chấm dứt hợp đồng liên doanh giữa China Shipping Regional Holdings Pte, Ltd và Công ty cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam; và giải thể Công ty TNHH China Shipping Việt Nam.
- + Ngày 12/09/2016: thông báo đấu giá toàn bộ vốn cổ phần của Công ty cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam tại Công ty cổ phần Bất động sản Đại lý hàng hải Việt Nam (VOSALAND).
- + Ngày 02/12/2016: tại Tokyo (Nhật Bản), Công ty cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam (VOSA) và Công ty Nippon Yusen Kabushiki Kaisha (NYK Line - Nhật Bản) đã ký Hợp đồng thành lập Công ty liên doanh NYK AUTO LOGISTICS (Việt Nam).
- + Ngày 13/03/2017: VOSA tổ chức lễ kỷ niệm 60 năm ngày thành lập công ty tại Khách sạn The Reverie Saigon (Times Square), số 22-36 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. HCM. Lễ kỷ niệm có sự tham gia của các cấp lãnh đạo gồm Bộ Giao Thông Vận Tải, Tổng Công Ty Hàng Hải Việt Nam (VINALINES) cùng với đại diện lãnh đạo Cục Hàng Hải Việt Nam, các Cảng biển, các công ty, khách hàng và đối tác.



Hình ảnh: Lễ kỷ niệm 60 năm thành lập VOSA (13/03/1957 – 13/03/2017).

- + Ngày 03/07/2017: đã tăng vốn Điều lệ lên 128.149.940.000 đồng do phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2016 (10%).

+ Ngày 01/04/2018: ký hợp đồng đại lý với hãng tàu ONE (Ocean Network Express).



Hình ảnh: tàu container của hãng tàu ONE.

+ Tháng 06/2018: hoàn tất việc thoái vốn tại Công ty cổ phần Bất động sản Đại lý Hàng hải Việt Nam (VOSA Land).

+ Ngày 30/07/2018: đã tăng vốn Điều lệ lên 140.964.860.000 đồng do phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần (10%).

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh:

+ Đại lý tàu biển. Đại lý, kiểm đếm hàng hóa. Môi giới và dịch vụ hàng hải. Dịch vụ logistics. Đại lý vận tải (giao nhận kho vận, kho ngoại quan).

+ Vận tải đa phương thức quốc tế.

+ Kinh doanh kho bãi.

- Địa bàn kinh doanh:

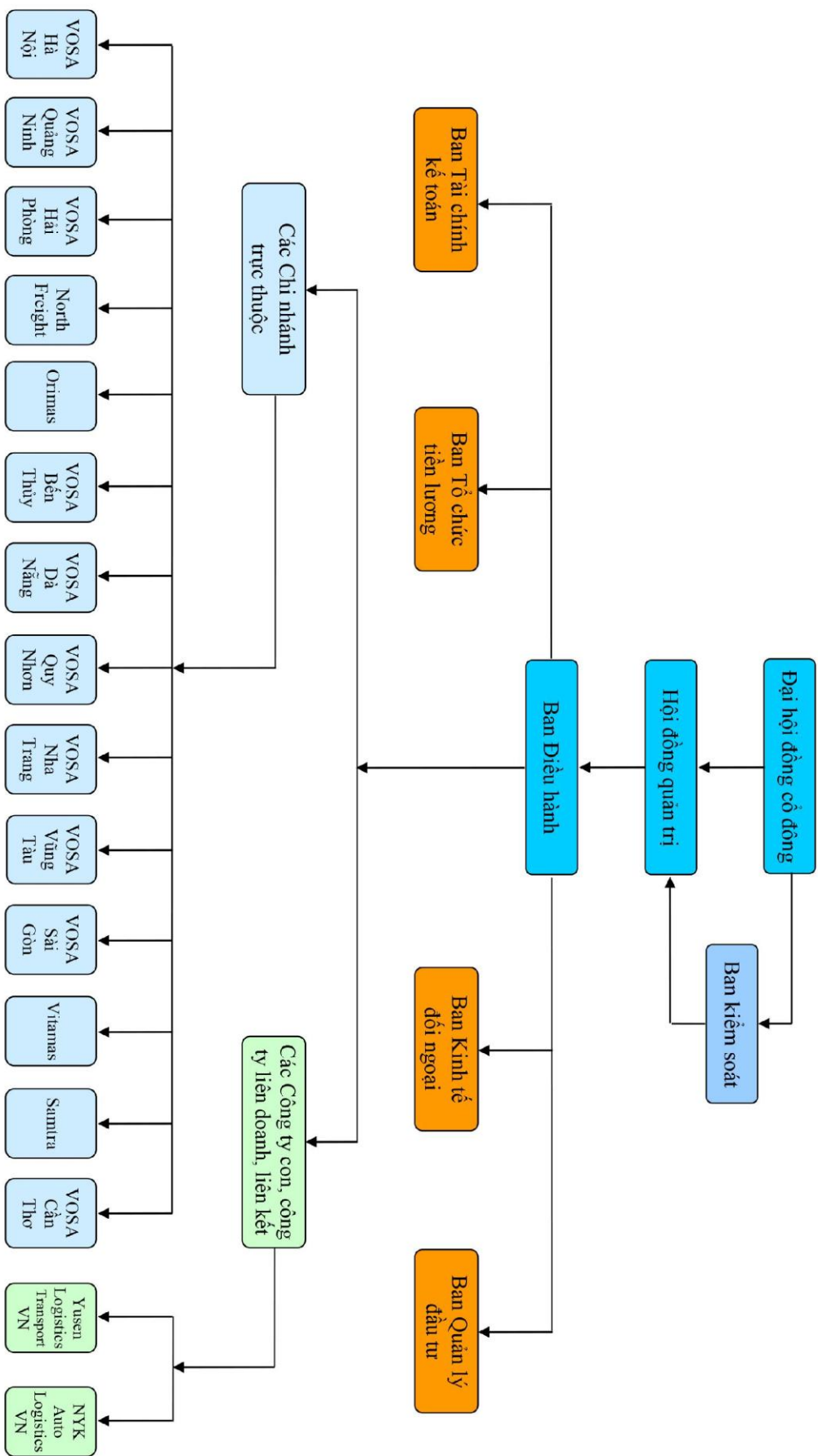
+ Địa bàn kinh doanh của Công ty trải dài trên toàn quốc, từ Móng Cái đến Cà Mau, trong đó địa bàn hoạt động kinh doanh chính là Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hải Phòng, Tỉnh Quảng Ninh.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

- Mô hình quản trị: Mô hình quản trị của Công ty gồm Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành, các Ban chuyên môn nghiệp vụ, các Chi nhánh trực thuộc, các Văn phòng đại diện, các công ty con và các công ty VOSA góp vốn.

- Cơ cấu bộ máy quản lý: Công ty cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014, các Luật khác và Điều lệ Công ty cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập thông qua ngày 14/06/2006 và bổ sung, sửa đổi ngày 31/05/2018.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM



- Các công ty con, công ty liên kết:

TT	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Quan hệ	Lĩnh vực KD chính	Vốn góp của Công ty	Chiếm tỷ lệ (%)
1	Công ty TNHH Yusen Logistics và Vận tải Việt Nam	Phòng 805, Tòa nhà HITC, 239 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội	Công ty liên doanh	Dịch vụ đại lý vận tải đường bộ, đường thủy, kho bãi, xếp dỡ hàng hóa	51.000 USD	51 (*)
2	Công ty TNHH NYK Auto Logistics (Việt Nam)	Tòa nhà Saigon Riverside Center Phòng 604, số 2A-4A Tôn Đức Thắng, Quận 1, TP.HCM	Công ty liên doanh	Dịch vụ đại lý vận tải, dịch vụ kho bãi và lưu giữ hàng hóa	200.000 USD	20

(*) Theo hợp đồng liên doanh: Công ty thỏa thuận nhượng quyền điều hành cho đối tác và nhận tiền đền bù.

- Các Công ty có vốn góp:

TT	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Quan hệ	Lĩnh vực KD chính	Vốn góp của Công ty	Chiếm tỷ lệ (%)
1	Công ty TNHH Yusen Logistics Việt Nam	Phòng 805, Tòa nhà HITC, 239 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội	Công ty liên doanh	Dịch vụ đại lý vận tải, kho bãi, logistics	4.000 USD	1,00
2	Công ty CP Vinalines Logistics	P.405, tầng 4, tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, Hà Nội	Góp vốn	Dịch vụ logistics	50.000 cổ phiếu	0,35
3	Ngân hàng TMCP Hàng hải (Maritime Bank)	88 Láng Hạ, Q. Đống Đa, Hà Nội	Đầu tư khác	Tài chính, ngân hàng	913.390 cổ phiếu	0,11
4	Cảng LOTUS	1A Nguyễn Văn Quỳ, P. Phú Thuận, Q. 7, TP. HCM	Góp vốn	Khai thác cảng	23.705 USD	0,27
5	Công ty CP Thép Việt Nam	91 Láng Hạ, Q. Đống Đa, Hà Nội	Đầu tư khác	Sản xuất, kinh doanh thép	200.000 cổ phiếu	0,03

4. Định hướng phát triển:

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

+ Xây dựng Công ty thành một trong những công ty dẫn đầu trong lĩnh vực dịch vụ hàng hải và logistics; phát triển bền vững dựa trên nền tảng kinh doanh cốt lõi là dịch vụ đại lý tàu biển, chuỗi dịch vụ logistics toàn diện với giá trị gia tăng cho khách hàng; thương mại xuất nhập khẩu; triển khai vận tải đa phương thức; mở rộng mạng lưới hoạt động sản xuất kinh doanh trên khắp các cảng và các vùng kinh tế trọng điểm trong nước, định hướng phát triển ra thị trường thế giới;

+ Gắn liền công tác sản xuất kinh doanh với ứng dụng công nghệ mới và quản trị tốt nhất các nguồn lực; đảm bảo quyền lợi chính đáng và tạo môi trường làm việc tốt nhất cho người lao động. Thực hành tiết kiệm chi phí quản lý, sử dụng tốt và có hiệu quả nguồn vốn chủ sở hữu v.v... để tối đa hóa lợi nhuận cho Công ty và các cổ đông.

+ Phát triển nguồn nhân lực, nhất là phát triển nguồn nhân lực trình độ cao, đảm bảo quyền lợi chính đáng và tạo môi trường làm việc tốt nhất cho người lao động.

+ Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ với nhà nước, góp phần vào sự phát triển thịnh vượng chung của đất nước.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty:

+ Công ty luôn thực hiện tốt trách nhiệm bảo vệ môi trường trong SXKD, không gây ô nhiễm hay tác động xấu đến môi trường tại các địa bàn kinh doanh; thực hiện trách nhiệm đối với xã hội, cam kết tham gia các hoạt động từ thiện và các chương trình nhân đạo, đền ơn đáp nghĩa, hỗ trợ cộng đồng v.v.

5. Các rủi ro:

Hoạt động trong lĩnh vực chính là dịch vụ hàng hải (đại lý tàu biển, cung ứng, kiểm đếm hàng hóa và các dịch vụ đi kèm v.v.), dịch vụ logistics (đại lý vận tải, kho bãi và các dịch vụ liên quan) và thương mại xuất nhập khẩu tiểu ngạch, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam phụ thuộc rất lớn vào tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế (GDP) nói chung và hoạt động xuất nhập khẩu nói riêng. Bên cạnh đó, những biến động vĩ mô như lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái... cũng tác động gián tiếp lên hoạt động kinh doanh của Công ty như mọi ngành nghề kinh doanh khác.

5.1. Rủi ro về kinh tế:

5.1.1. Rủi ro về tăng trưởng kinh tế:

- Năm 2018, tăng trưởng kinh tế đạt mức 7,08%, đây là mức cao nhất trong 11 năm qua và đưa Việt Nam trở thành quốc gia nằm trong nhóm các nước tăng trưởng cao nhất trong khu vực và thế giới. Năm 2018 cũng được coi là một năm thành công với nhiều kỷ lục kinh tế được thiết lập như: tổng kim ngạch xuất nhập khẩu đạt trên 482 tỷ USD và xuất siêu 7,2 tỷ USD (tăng 147% so với năm 2017); tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) tiếp tục đạt mức tăng trưởng ấn tượng 9,1% với kỷ lục mới về số vốn giải ngân đạt 19,1 tỷ USD. Bên cạnh đó, thu ngân sách Nhà nước cũng đạt dấu mốc đáng ghi nhớ khi lần đầu tiên Việt Nam vượt thu ngân sách 3,5 tỷ USD so với dự toán.

- Tổng trị giá xuất nhập khẩu của Việt Nam năm 2018 đạt 480,17 tỷ USD, tăng 12,2%, tương ứng tăng 52,05 tỷ USD về số tuyệt đối so với năm 2017. Trong đó, tổng trị giá xuất khẩu của Việt Nam đạt 243,48 tỷ USD, tăng 13,2% tương ứng tăng 28,36 tỷ USD so với năm 2017, trong đó, tổng trị giá xuất khẩu hàng hóa trong năm 2018 của nhóm các doanh nghiệp FDI lên 171,53 tỷ USD, tăng 12,4% (tương ứng tăng 18,98 tỷ USD) so với năm trước, chiếm 70,4% tổng trị giá xuất khẩu của cả nước.

- Tăng trưởng kinh tế vẫn còn dựa chủ yếu vào vốn, năng suất lao động thấp trong khi hiệu quả đầu tư còn cải thiện chậm. Hoạt động xuất nhập khẩu và diễn biến tỷ giá còn chịu nhiều áp lực và có thể bị ảnh hưởng tiêu cực từ tình hình kinh tế thế giới trong bối cảnh chiến tranh thương mại Mỹ - Trung và các chính sách bảo hộ thương mại quốc tế ngày càng gia tăng.

- Hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ logistics (đại lý vận tải và các dịch vụ liên quan), tốc độ tăng trưởng chung của nền kinh tế nói chung và nhu cầu xuất nhập khẩu của Việt Nam nói riêng là nhân tố quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả SXKD năm 2018 cũng như kế hoạch kinh doanh năm 2019 của Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam.

5.1.2. Tỷ giá hối đoái:

- Đối với VOSA - doanh nghiệp hoạt động xuất nhập khẩu ủy thác và cung cấp dịch vụ hàng hải/ logistics cho các đối tác nước ngoài liên quan đến thanh toán quốc tế, tỷ giá hối đoái cũng là một rủi ro thường xuyên. Tuy nhiên, hệ số nợ trên tổng tài sản thấp 0,44 đây cũng là một lợi thế so với các doanh nghiệp cùng ngành.

- Để hạn chế rủi ro tỷ giá: Công ty đã luôn áp dụng chính sách duy trì số dư ngoại tệ hợp lý để giảm thiểu rủi ro.

5.2. Rủi ro về luật pháp:

- Rủi ro về luật pháp là những thay đổi trong hệ thống các văn bản pháp luật trực tiếp hoặc gián tiếp điều chỉnh đến hoạt động của Công ty, những thay đổi trong quy định pháp luật làm ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty. Ngoài ra, sự thay đổi chính sách của Nhà nước như: thay đổi chính sách về BHXH, tăng giá thuê đất, làm sụt giảm lợi nhuận khai thác kho bãi; Bên cạnh đó, ngành vận tải biển còn chịu ảnh hưởng từ những chính sách của Nhà nước cũng như định hướng phát triển của ngành hàng hải.

- Để hạn chế rủi ro về luật pháp, Công ty luôn chủ động, thường xuyên cập nhật quy định pháp luật, tìm hiểu, nghiên cứu về các thay đổi của pháp luật đồng thời thông tin kịp thời tới toàn thể cán bộ, nhân viên và cổ đông của Công ty.

5.3. Rủi ro đặc thù:

5.3.1. Rủi ro giá nguyên liệu, sử dụng nhà, đất:

- Do kinh doanh trong ngành nghề liên quan mật thiết tới ngành vận tải nói chung, nên Công ty cũng chịu ảnh hưởng gián tiếp từ biến động giá nguyên liệu.

- Tuy nhiên, do Công ty có thuê nhiều đất đai, nhà cửa để sử dụng làm kho bãi, trụ sở, mà trong những năm gần đây giá thuê nhà, đất liên tục tăng cao, nên chi phí của doanh nghiệp bị tăng theo, lợi nhuận cũng bị giảm sút.

5.3.2. Rủi ro cạnh tranh:

- Đối với ngành vận tải, các cam kết của Việt Nam khi gia nhập WTO hầu như đã được thực thi đầy đủ từ năm 2014, nên hiện nay các công ty dịch vụ vận tải lớn của nước ngoài có đủ điều kiện để hoạt động tại Việt Nam trong hầu hết các lĩnh vực dịch vụ logistics, vì thế, sự cạnh tranh giữa các công ty cùng lĩnh vực này ngày càng trở nên gay gắt.

5.4. Rủi ro khác:

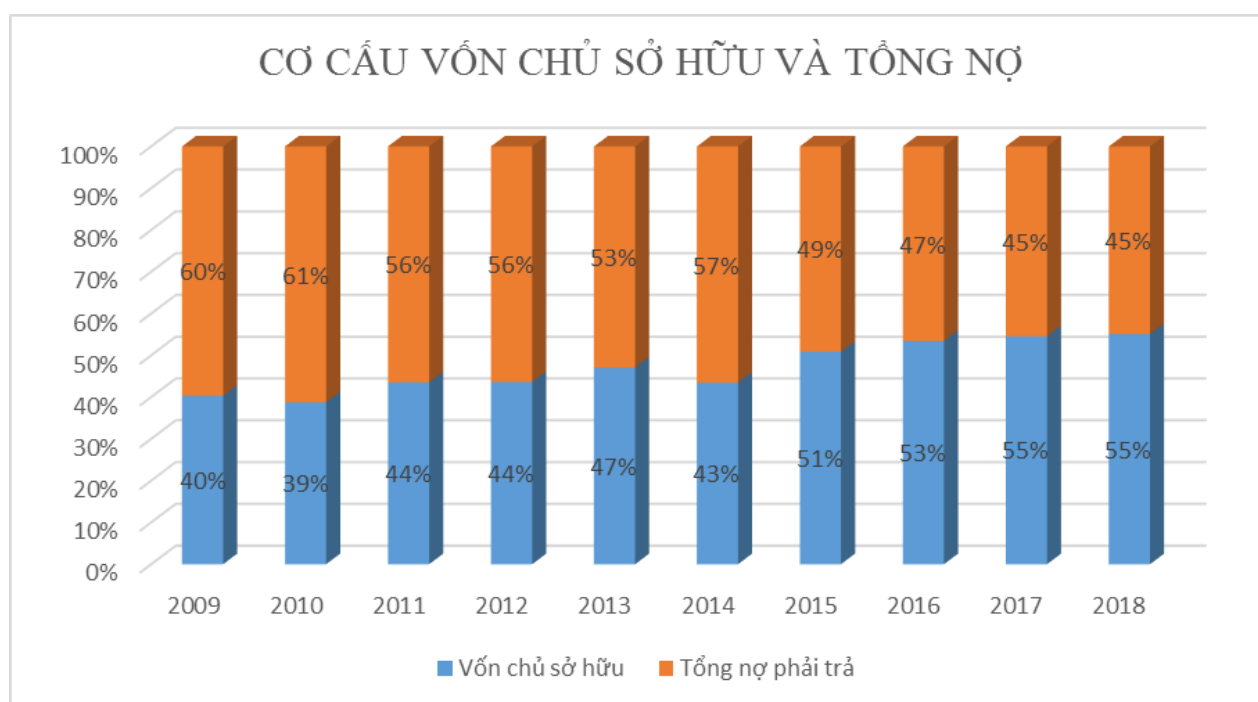
- Các rủi ro mang tính hệ thống khác như, chiến tranh, thiên tai, dịch họa, môi trường, những biến động chính trị xã hội trên thế giới... là những rủi ro tuy hiếm nhưng có thể xảy ra. Do vậy, nếu có, những rủi ro này ít nhiều sẽ gây thiệt hại về tài sản, con người, thị trường kinh doanh của Công ty; qua đó, ảnh hưởng tiêu cực đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Để hạn chế tối đa các thiệt hại, Công ty đã tham gia mua bảo hiểm cho các tài sản có giá trị lớn.

Thông tin tài chính cơ bản (Báo cáo tài chính riêng đã kiểm toán):

Chỉ tiêu	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	Tăng trưởng (*)	CAGR (**)
Doanh thu kinh doanh	497,494	530,265	677,846	609,958	804,243	842,985	863,531	863,320	864,323	914,804	1.84	7%
Lợi nhuận trước thuế	35,729	39,773	45,582	45,055	41,412	59,431	67,584	59,086	52,015	61,335	1.72	6%
Lợi nhuận sau thuế	30,473	33,449	36,769	36,739	34,060	49,029	56,998	51,248	44,634	51,590	1.69	6%
Tổng tài sản	393,729	440,080	447,947	468,531	471,013	586,719	560,489	573,139	600,177	628,812	1.60	5%
Vốn chủ sở hữu	158,793	170,616	194,970	204,624	221,870	254,925	285,032	306,204	327,417	346,496	2.18	9%
Tổng nợ phải trả	234,936	269,465	252,978	263,907	249,143	331,794	275,456	266,935	272,760	282,317	1.20	2%

(*) Tăng trưởng năm 2018 so với năm 2009 (số lần).

(**) Tăng trưởng bình quân hàng năm 2009 – 2018.



II. Tình hình hoạt động trong năm 2018:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Năm 2018, từ đang tăng trưởng, nền kinh tế thế giới đã đi ngang và dần chuyển hướng đi xuống. GDP toàn cầu ước tính giảm khoảng 400 tỷ USD. Hai đầu tàu kinh tế thế giới mạnh nhất là Mỹ và Trung Quốc đều chứng kiến sự suy giảm tăng trưởng vào những tháng cuối năm. Trong đó, GDP của Mỹ dự báo giảm còn hơn 3% trong các quý cuối năm, từ mức 4,2% của quý II, khiến tăng trưởng của nền kinh tế lớn nhất hành tinh có thể giảm xuống còn 2,4% trong năm nay và 2% năm 2020. Với Trung Quốc, tăng trưởng GDP trong quý III chỉ còn 6,5%, mức thấp nhất trong 09 năm qua. Dường như các hoạt động sản xuất và xuất khẩu của Trung Quốc đã bắt đầu ngấm đòn từ cuộc chiến thương mại với Mỹ.

- Những cuộc đấu đá của các nền kinh tế lớn không chỉ gây thiệt hại đối với chính họ, còn khiến các nền kinh tế đang phát triển và các thị trường mới nổi bị ảnh hưởng nặng nề, do hiện tượng tháo vốn khỏi các quỹ đầu tư toàn cầu và xu hướng suy giảm tự do thương mại. Tại châu Âu, tác động kép của những căng thẳng thương mại với Mỹ và tiến trình Brexit của Anh đã làm chậm nhịp độ tăng trưởng kinh tế của các nước EU. Trong đó, Đức - nền kinh tế lớn nhất lục địa già - vào quý III đã chứng kiến sự suy giảm lần đầu tiên kể từ năm 2015. Dự báo xu hướng suy giảm này sẽ còn duy trì đối với 27 nước thành viên EU và 19 nước thành viên Khu vực đồng tiền chung châu Âu (Eurozone) trong vài năm tới.

- Năm 2018 có thể nói là năm ấn tượng của kinh tế Việt Nam với các điểm nhấn về hội nhập kinh tế quốc tế khi Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) chính thức có hiệu lực. Đây cũng là năm tăng trưởng kinh tế của Việt Nam đạt tốc độ cao nhất trong vòng 10 năm, trong đó thu hút FDI là “điểm sáng”.

- Năm 2018 còn đánh dấu một bước ngoặt lớn trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam khi CPTPP chính thức có hiệu lực sau 7 năm với 40 vòng đàm phán. Theo báo cáo thuyết minh của Chính phủ, việc tham gia Hiệp định này là động lực giúp Việt Nam nâng cao nội lực, đa dạng hóa thị trường để ứng phó với các tác động của kinh tế thế giới đang diễn biến phức tạp với chiều hướng bảo hộ thương mại gia tăng của các nền kinh tế lớn.

- Bất chấp những khó khăn từ rào cản thương mại, sự gia tăng bảo hộ của các nước hay căng thẳng thương mại Mỹ - Trung, tăng trưởng kinh tế của Việt Nam vẫn chinh phục “đỉnh cao” mới. Tăng trưởng kinh tế của Việt Nam đạt tốc độ cao nhất trong vòng 10 năm và có khả năng tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng cao trên 7% vào năm 2019.

- Năm 2018 khép lại với những thành tựu đặc biệt trong phát triển kinh tế Việt Nam. Tăng trưởng kinh tế đạt mức 7,08%, đây là mức cao nhất trong 11 năm qua và đưa Việt Nam trở thành quốc gia nằm trong nhóm các nước tăng trưởng cao nhất trong khu vực và thế giới. Năm 2018 cũng được coi là một năm thành công với nhiều kỷ lục kinh tế được thiết lập như: tổng kim ngạch xuất nhập khẩu đạt trên 482 tỷ USD và xuất siêu 7,2 tỷ USD (tăng 147% so với năm 2017); tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) tiếp tục đạt mức tăng trưởng ấn tượng 9,1% với kỷ lục mới về số vốn giải ngân đạt 19,1 tỷ USD. Bên cạnh đó, thu ngân sách Nhà nước cũng đạt dấu mốc đáng ghi nhớ khi lần đầu tiên Việt Nam vượt thu ngân sách 3,5 tỷ USD so với dự toán.

- Tổng trị giá xuất nhập khẩu của Việt Nam năm 2018 đạt 480,17 tỷ USD, tăng 12,2%, tương ứng tăng 52,05 tỷ USD về số tuyệt đối so với năm 2017.

- Trong đó, doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đạt 313,21 tỷ USD, tăng 11,7% (tương ứng tăng 32,83 tỷ USD) so với năm 2017. Còn trị giá xuất nhập khẩu của khối doanh nghiệp trong nước là 166,96 tỷ USD, tăng 13% (tương ứng tăng 19,22 tỷ USD) so với năm 2017.

- Tính chung, cán cân thương mại của Việt Nam trong năm 2018 đạt mức thặng dư 6,8 tỷ USD, cao gấp 3,2 lần mức thặng dư của năm 2017.

- Tổng trị giá xuất khẩu của Việt Nam đạt 243,48 tỷ USD, tăng 13,2% tương ứng tăng 28,36 tỷ USD so với năm 2017, trong đó, tổng trị giá xuất khẩu hàng hóa trong năm 2018 của nhóm các doanh nghiệp FDI lên 171,53 tỷ USD, tăng 12,4% (tương ứng tăng 18,98 tỷ USD) so với năm trước, chiếm 70,4% tổng trị giá xuất khẩu của cả nước.

- Tổng trị giá nhập khẩu của Việt Nam năm 2018 đạt 236,69 tỷ USD, tăng 11,1% (tương ứng tăng 23,68 tỷ USD) so với năm 2017, trong đó, tổng trị giá nhập khẩu cả năm 2018 của các doanh nghiệp FDI lên đến 141,68 tỷ USD, tăng 10,8% (tương ứng tăng 13,84 tỷ USD) so với năm 2017, chiếm 59,9% tổng trị giá nhập khẩu của cả nước.

- Tăng trưởng kinh tế vẫn còn dựa chủ yếu vào vốn, năng suất lao động thấp trong khi hiệu quả đầu tư còn cải thiện chậm. Hoạt động xuất nhập khẩu và diễn biến tỷ giá còn chịu nhiều áp lực và có thể bị ảnh hưởng tiêu cực từ tình hình kinh tế thế giới trong bối cảnh chiến tranh thương mại Mỹ - Trung và các chính sách bảo hộ thương mại quốc tế ngày càng gia tăng.

- Kết quả SXKD năm 2018:

Đơn vị tính: Triệu đồng.

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	Thực hiện năm 2017	Thực hiện so với kế hoạch	Thực hiện so với năm 2017
Tổng doanh thu	938.200	975.018	897.761	104 %	109 %
Doanh thu kinh doanh	870.000	914.804	864.323	105 %	106 %
Lợi nhuận trước thuế	60.000	61.335	52.015	102 %	118 %

1.1. Về lĩnh vực đại lý tàu truyền thống:

- Sản lượng tàu: 3.030 tàu (trong đó 2.271 tàu hàng rời các loại – tăng 2% so với năm trước và 759 tàu container – tăng 22% so với năm trước) – tăng 6% so với năm 2017;

- Doanh thu: 57.030.064.974 đồng – bằng 94% so với năm 2017;

- Sản lượng tàu hàng rời phục vụ tăng 2% chủ yếu tại các khu vực Hà Tĩnh do VOSA Bến Thủy làm đại lý (tăng 69% do lượng tàu phục vụ nhà máy thép Hưng Nghiệp tăng mạnh và các cảng khác trong khu vực cũng tăng), khu vực thành phố Hồ Chí Minh do VOSA Sài Gòn phục vụ (tăng 16% từ các tàu hàng lông, sắt thép và tàu cá), VITAMAS (tăng 12% về các tàu sắt thép và nhựa đường).

- VOSA Hải Phòng sụt giảm mạnh về sản lượng tàu phục vụ với sản lượng bằng 42,5% so với năm trước do không còn các tàu công trình phục vụ dự án cảng Lạch Huyện.

- Các chi nhánh khác có sản lượng xấp xỉ hoặc sụt giảm so với năm trước.

- Về đại lý tàu container, Vitamas tiếp tục là chi nhánh dẫn đầu toàn công ty với sản lượng 580 tàu (tăng 28% so với năm trước), tuy nhiên do giá dịch vụ giảm sâu sau khi hãng tàu NYK Line sát nhập thành hãng tàu ONE (Ocean Network Express) nên doanh thu từ đại lý tàu của chi nhánh giảm mạnh so với năm trước.

- Lượng hàng xuất khẩu phục vụ tăng 25% so với năm trước chủ yếu tại khu vực Hà Tĩnh (dăm gỗ, clinke, đá, sắt thép thành phẩm) và thành phố Hồ Chí Minh, Quảng Ninh (quặng) trong khi lượng hàng nhập khẩu phục vụ chỉ tăng nhẹ 3% so với năm trước do lượng hàng nông sản nhập về giảm mạnh.

- VOSA Bến Thủy trở thành chi nhánh dẫn đầu toàn công ty về sản lượng tàu phục vụ với tổng số 747 lượt tàu, Vitamas là chi nhánh thứ hai với tổng số 726 lượt tàu, tiếp theo là VOSA Sài Gòn 284 lượt tàu và VOSA Cần Thơ là 242 lượt tàu.

- Dịch vụ này tiếp tục bị cạnh tranh khốc liệt hơn khi ngày càng nhiều các đại lý nước ngoài, đại lý tư nhân tham gia vào thị trường. Đại lý nước ngoài có mối quan hệ mật thiết với các chủ tàu và khách hàng nước ngoài, đại lý tư nhân sẵn sàng hạ giá thấp để cạnh tranh và giành dịch vụ. Một số đại lý khác – đặc biệt là các đại lý do các doanh nghiệp cảng thành lập có lợi thế về cầu bến, tàu lai, phương tiện xếp dỡ nên có thể chào giá dịch vụ đại lý rất thấp để dành các dịch vụ phụ trợ.

- Mặt khác, các chủ tàu, chủ hàng lớn đều ép giảm giá đại lý phí hoặc chỉ trả mức khoán chung rất thấp cho việc phục vụ đại lý nên doanh thu ngày càng giảm dù sản lượng phục vụ chung tăng lên.

- Nhận thức được khó khăn trong dịch vụ này, Ban lãnh đạo công ty và các chi nhánh đã tích cực chủ động làm việc với các khách hàng truyền thống, tăng cường sự hợp tác, đưa ra những chính sách linh hoạt về giá cả để phục vụ cho khách hàng nên nhiều chủ tàu tiếp tục ủng hộ và sử dụng dịch vụ của công ty. Tuy nhiên, công ty cũng phải chấp nhận giảm giá dịch vụ để được hợp tác với khách hàng.



Hình ảnh: Phục vụ tàu hàng rời tại cảng Qui Nhơn

1.2. Về dịch vụ đại lý liner:

- Sản lượng phục vụ: 136.546 Teus, trong đó 58.449 Teus hàng xuất – tăng 5% so với năm 2017 và 78.097 Teus hàng nhập – bằng 98% so với năm 2017; ngoài ra còn có 34.277 Teus hàng xuất và nhập rỗng;

- Doanh thu: 27.533.693.724 đồng – tăng 7% so với năm 2017.

- Hãng tàu Namsung Shipping tập trung khai thác hàng nhập về khu vực thành phố Hồ Chí Minh khi giá cước tăng lên nên sản lượng hàng nhập tăng đáng kể. Tuy nhiên, đối với hàng xuất cước vẫn còn thấp nên hãng vẫn phải bán chỗ cho các hãng khác nên chỗ cho hàng xuất không còn nhiều khiến cho lượng hàng xuất từ thành phố Hồ Chí Minh giảm đáng kể so với năm trước. Trong khi đó, tại khu vực Hải Phòng thì lượng hàng nhập lại giảm xuống và lượng hàng xuất tăng lên so với năm trước do lượng hàng hóa xuất đi qua khu vực tăng cao.

- Hãng tàu Sinotrans thường xuyên bị chậm, hủy chuyến cùng với việc thời gian vận chuyển dài, tuyến khai thác gặp nhiều cạnh tranh khi tất cả các hãng tàu lớn đều khai thác chung tuyến, giá cước và lịch tàu của hãng không thuận lợi, nhưng với sự nỗ lực của bộ phận đại lý cho hãng tàu cùng với những chính sách linh hoạt từ hãng tàu nên sản lượng hàng xuất tại khu vực Hải Phòng tăng 17% trong khi hàng nhập về giảm 7%.

- Do giá cước phục hồi nhẹ nên doanh thu đại lý liner từ các bộ phận đều tăng trưởng so với năm trước.



Hình ảnh: Phục vụ tàu container cho hãng tàu Namsung Shipping.

1.3. Về dịch vụ đại lý vận tải:

- Doanh thu: 571.078.323.376 đồng – tăng 9% so với năm 2017.

- Doanh thu đại lý vận tải tăng so với cùng kỳ năm trước do công ty tập trung phát triển mảng dịch vụ vận tải hàng không và một số hoạt động thương mại cho khách hàng. Tuy nhiên, dịch vụ vận tải hàng không đòi hỏi nguồn vốn lưu động lớn, lợi nhuận thấp, rủi ro nhiều nên công ty rất thận trọng đối với các khách hàng của mình. Còn các hoạt động thương mại không mang tính ổn định, tùy thuộc vào yêu cầu của khách hàng nên khó phát triển thêm.

- Chi nhánh VOSA Sài Gòn và chi nhánh ORIMAS đã có sự tăng trưởng vượt bậc về lĩnh vực đại lý vận tải trong năm qua với mức tăng trưởng là 65% và 76% về doanh thu.

- Chi nhánh VOSA Cần Thơ, VOSA Hà Nội đều giữ mức tăng trưởng tốt trong dịch vụ này.

- Chi nhánh VOSA Bến Thủy, VOSA Vũng Tàu cũng đã từng bước cung cấp dịch vụ đại lý vận tải cho khách hàng để mở rộng dịch vụ và tăng doanh thu.

- Dịch vụ đại lý vận tải tiếp tục gặp rất nhiều khó khăn khi hầu hết các chi nhánh của VOSA đều không có phương tiện vận tải, hoàn toàn phụ thuộc vào phương tiện thuê ngoài nên khó chủ động về giá cả, thu xếp phương tiện ... đối với khách hàng nên thường xuyên bị động trong các dịch vụ đại lý vận tải.

- Các khách hàng gặp khó khăn trong SXKD nên phải điều chỉnh kế hoạch, chiến lược hoặc thay đổi phương thức giao nhận hàng hóa, giảm công đoạn dịch vụ cung cấp nên doanh thu cũng giảm. Ngoài ra, khách hàng còn yêu cầu giảm giá dịch vụ để chia sẻ khó khăn trong khi chi phí thuê ngoài không giảm nên hiệu quả KD và lợi nhuận từ dịch vụ này ngày càng bị thu hẹp.

- Hai chi nhánh dẫn đầu của trong lĩnh vực đại lý vận tải là VOSA Quảng Ninh và NORTHFREIGHT đều bị sụt giảm doanh thu do khách hàng thu hẹp kinh doanh, một số hợp đồng lớn đã chấm dứt nên dù đã hết sức nỗ lực tìm kiếm thêm khách hàng mới, mở rộng địa bàn hoạt động, doanh thu vẫn giảm sút so với năm trước.



Hình ảnh: Đội xe vận tải NorthFreight tại Hải Phòng.

1.4. Về dịch vụ kiểm đếm hàng hóa:

- Doanh thu: 26.726.437.630 đồng – tăng 33% so với năm 2017.

- Do lượng tàu sử dụng dịch vụ kiểm đếm tăng cao nên hai chi nhánh VOSA Bến Thủy và VOSA Sài Gòn có sự tăng trưởng rất khả quan về dịch vụ kiểm đếm.

- Hai chi nhánh VITAMAS và ORIMAS cũng có sự tăng trưởng dịch vụ này so với năm trước nhưng không nhiều do lượng xe ô tô nhập về giảm so với năm trước, nên hai chi nhánh này phải tập trung vào các dịch vụ đóng, rút hàng container và các dịch vụ phụ trợ khác.

- Công ty tiếp tục nâng cao chất lượng dịch vụ kiểm đếm và mở rộng sang các dịch vụ gia tăng cho khách hàng để đảm bảo doanh thu.



Hình ảnh: Tác nghiệp kiểm đếm hàng hóa tại kho CFS – Northfreight Hải Phòng.

1.5. Về dịch vụ kinh doanh kho bãi, kho ngoại quan:

- Doanh thu: 129.379.898.597 đồng – tăng 16% so với năm 2017.
- Doanh thu từ dịch vụ kho bãi tăng 16% so với năm trước và việc kinh doanh kho ngoại quan đã có sự hồi phục ấn tượng trong năm qua sau biến động lớn về kinh doanh xuất nhập khẩu và kho ngoại quan từ giữa năm 2016.
- Dịch vụ này gặp nhiều khó khăn khi một số khách hàng lớn đã kết thúc hợp đồng thuê kho. Công ty đã nỗ lực tìm kiếm các khách hàng mới nên diện tích kho tại khu vực Quảng Ninh không đủ đáp ứng theo yêu cầu của khách hàng, phải thuê thêm kho của các doanh nghiệp khác nên lợi nhuận biên giảm sút.
- Các cảng, các doanh nghiệp lớn đã đầu tư thêm nhiều kho bãi, giảm giá thuê kho, giảm giá xếp dỡ để lôi kéo khách hàng nên công ty cũng phải giảm giá dịch vụ để cạnh tranh và giữ khách hàng.
- Tại khu vực Cái Lân, lượng hàng nông sản tiếp tục giảm sút mạnh khi khách hàng giảm sản lượng nhập về, đồng thời thay đổi sang phương thức giao hàng không qua kho.
- Tại khu vực Hải Phòng, kho hàng CFS được khai thác tốt, chi nhánh NORTHFREIGHT đang nỗ lực tìm kiếm thêm khách hàng sau khi hãng tàu ONE không sử dụng bãi để lưu giữ container của hãng.



Hình ảnh: Kho bãi VOSA Quảng Ninh tại Cái Lân.

1.6. Về dịch vụ cung cấp cho tàu:

- Doanh thu: 15.038.568.330 đồng – bằng 67% so với năm 2017.
- Hoạt động cung ứng dịch vụ cho tàu tiếp tục gặp nhiều khó khăn do tình hình cạnh tranh ngày càng gay gắt, và các chủ tàu ít sử dụng dịch vụ cung ứng tại các cảng Việt Nam trừ khi thật cần thiết do chi phí cao dẫn đến sự sụt giảm về dịch vụ này tại VOSA Quảng Ninh.
- VOSA Bến Thủy và VOSA Sài Gòn có sự tăng trưởng về dịch vụ khi có lượng tàu phục vụ tăng và lượng tàu yêu cầu cung cấp tăng so với năm trước.
- Dịch vụ này ngày càng có tính rủi ro cao trong khi nguồn vốn sử dụng quá lớn và bị cạnh tranh không lành mạnh hoặc bị một số đối tượng cản trở, gây khó khăn.

2. Tổ chức và nhân sự:

- Danh sách Ban điều hành và Ban Tài chính kế toán:

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Ngày bổ nhiệm	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu
1	Vũ Xuân Trung	01/10/1959	PCT HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Cử nhân Kinh tế, Cử nhân ngoại ngữ	16/06/2014	2.783	0,02
2	Trịnh Vũ Khoa	22/08/1968	UV HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	Cử nhân ngoại ngữ	12/12/2016 (bổ nhiệm lại)	1.089	0,01
3	Nguyễn Thị Thanh Trang	08/02/1969	UV HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	Kỹ sư KTVTB, Cử nhân Luật	08/11/2017 (bổ nhiệm lại)	1.452	0,01
4	Võ Trung Thắng	01/01/1977	Phó Ban Phụ trách Ban TCKT	Cử nhân Kế toán Kiểm toán	01/03/2016	605	0,01

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

+ Trong năm 2018, Công ty đã bổ sung, sửa đổi Quy chế tiền lương bên cạnh các quy chế đã được xây dựng và ban hành thực hiện như: Quy chế dân chủ, quy chế tuyển dụng và đào tạo, quy chế phân phối quỹ khen thưởng - phúc lợi, nêu bật chế độ đãi ngộ về tiền lương, tiền thưởng và phúc lợi xã hội cho CBCNV nhằm khuyến khích toàn thể người lao động Công ty không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, phát huy sáng kiến cải tiến quy trình làm việc, thi đua tiết kiệm chi phí sản xuất và nâng cao năng suất, chất lượng lao động. Công ty tiếp tục nghiên cứu sửa đổi, bổ sung và xây dựng mới các quy chế để kiện toàn công tác quản lý và điều hành của công ty.

+ Tiếp tục kiện toàn tổ chức theo hướng tập trung nâng cao vai trò quản trị và điều hành của Công ty với các chi nhánh. Gắn kết các chi nhánh thành công ty mạnh, làm cơ sở vững chắc cho việc tổ chức theo mô hình công ty mẹ - công ty con cho những năm sau.

+ Xây dựng quy hoạch về cán bộ, đầu tư phát triển nguồn nhân lực cho toàn công ty và từng chi nhánh giai đoạn từ năm 2017 - 2022. Tiếp tục tuyển dụng thêm những nhân viên mới có trình độ chuyên môn, bổ nhiệm những người có năng lực xứng đáng đảm nhận các vị trí chủ chốt theo hướng trẻ hóa cán bộ, có chế độ đãi ngộ tương xứng, nâng cao trình độ ngoại ngữ và chuyên môn cho đội ngũ CBCNV để doanh nghiệp đủ sức cạnh tranh, năng động và kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất.

+ Tăng cường tiết kiệm và giảm chi phí trong công tác. Tiếp tục thực hiện tiết kiệm chi phí quản lý, rà soát, tiết giảm các chi phí không hợp lý hoặc không thật sự cần thiết trong kinh doanh và quản lý nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh chung toàn Công ty.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

3.1. Đầu tư sản xuất kinh doanh:

*** Dự án sửa chữa bãi tập kết hàng hóa, phương tiện và một căn nhà cho thuê của VOSA Quảng Ninh:**

- Dự án sửa chữa bãi tập kết hàng hóa, phương tiện và một căn nhà cho thuê của VOSA Quảng Ninh được phê duyệt với tổng mức đầu tư: 1.438.391.000 đồng.

- Quy mô dự án: Sửa chữa lại mặt sân khu sân bãi phía trước kho 1A và 1C. Lắp đặt 257md hàng rào lưới B40. Đầu nối hệ thống thoát nước bằng cống P600. Sửa chữa một căn nhà với diện tích 257m².

- Dự án được khởi công tháng 08/2018 và đã hoàn thành cuối tháng 10/2018.

*** Dự án đầu tư đội xe Northfreight:**

- Dự án đầu tư đội xe Northfreight được phê duyệt với tổng mức đầu tư: 7.323.729.000đ.

- Quy mô dự án:

+ Xe đầu kéo Fuso FZ49 – 39,1 tấn: 3 chiếc.

+ Sơ mi rơ mooc xương 3 trục 40 feet hiệu Thaco: 03 chiếc.

+ Xe tải Fuso Canter 4.99E4: 01 chiếc.

+ Xe tải Fuso Canter 6.5E4: 01 chiếc.

+ Xe tải Fuso Canter FI: 01 chiếc.

- Dự án được triển khai mua sắm tháng 11/2018 và hoàn thành việc nhận xe đưa vào sử dụng trong tháng 12/2018.

3.2. Các dự án khác:

*** Dự án sửa chữa văn phòng Vitamas:**

- Dự án sửa chữa cải tạo văn phòng VITAMAS được phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật với tổng mức đầu tư: 5.437.375.000 đồng.

- Quy mô dự án: Sửa chữa hợp khối toàn bộ 2 căn nhà hiện hữu tại 44 và 46 Nguyễn Tất Thành, chiều cao 5 tầng, tổng diện tích sàn là 957,75 m².

- Dự án được khởi công ngày 26/6/2017 và hoàn thành đưa vào sử dụng tháng 12/2018.

*** Dự án Văn phòng VOSA Nha Trang:**

- Dự án Văn phòng VOSA Nha Trang đã được phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật với tổng mức đầu tư: 2.499.320.000 đồng.

- Quy mô dự án: 1 bán hầm, 3 lầu, sân thượng trên diện tích 80,48 m².

- Dự án khởi công ngày 28/06/2017. Dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng từ 15/01/2018.

*** Dự án sửa chữa văn phòng ORIMAS:**

- Dự án sửa chữa văn phòng ORIMAS được phê duyệt với tổng mức đầu tư: 945.944.000 đồng.

- Quy mô dự án: Sửa chữa toàn bộ căn nhà 2 tầng trên diện tích 170m² bao gồm thay mới tôn, đục và trát lại tường thấm, thay cửa đi, cửa sổ, lát gạch mới, sơn toàn bộ nhà, ...

- Dự án đã khởi công ngày 11/9/2018 và hoàn thành đưa vào sử dụng tháng 12/2018.

*** Dự án sửa chữa kho bãi Đại lý vận tải quốc tế phía Bắc (Northfreight):**

- Dự án sửa chữa kho bãi Đại lý vận tải quốc tế phía Bắc (Northfreight) được phê duyệt tổng mức đầu tư: 692.357.000 đồng.

- Quy mô sửa chữa:

+ Nhà kho số 1: Xử lý nền kho xuống cấp: Đổ bê tông nền, vệ sinh, trám khe co giãn bằng nhựa đường.

+ Nhà kho số 2: Giữ nguyên mái cũ, lắp đặt lớp xà gồ cấu tạo phía trên mái cũ và lợp tôn mới phủ lên trên. Lắp đặt thêm mi cửa sổ chống nước mưa hắt vào trong kho.

+ Bãi container: Nạo vét hệ thống rãnh thoát nước xung quanh kho dài 975md và thay mới một số tấm đan bị vỡ.

- Dự án đã khởi công ngày 28/11/2018 và hoàn thành đưa vào sử dụng ngày 28/12/2018.

3.3. Các công ty con, công ty liên kết:

3.3.1 - Công ty TNHH Yusen Logistics và Vận tải (Việt Nam) - YLTV:

- Liên doanh được thành lập từ ngày 01/04/2014, VOSA đã góp đủ 51% vốn liên doanh (51.000 USD).

- Công ty có năm tài chính kết thúc ngày 31/03 hàng năm.

- Tháng 03 hàng năm, VOSA đã nhận tiền nhượng quyền quản lý năm tài chính là 40.000 USD cố định.

3.3.2 - Công ty liên doanh NYK Auto Logistics (Việt Nam):

- Ngày 02/12/2016, tại Tokyo (Nhật Bản), Công ty cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam (VOSA) và Công ty Nippon Yusen Kabushiki Kaisha (NYK Line - Nhật Bản) đã ký Hợp đồng thành lập Công ty liên doanh NYK Auto Logistics (Việt Nam).

- Vốn Điều lệ của Công ty là 1.000.000 USD, trong đó cơ cấu vốn góp như sau:

+ Công ty cổ phần Đại lý Hàng Hải Việt Nam (VOSA) góp 200.000USD (20%) tương đương 4,54 tỷ đồng.

+ Hãng tàu Nippon Yusen Kabushiki Kaisha (NYK LINE) góp 800.000USD (80%).

- Công ty có năm tài chính kết thúc ngày 31/03 hàng năm.

- Công ty TNHH NYK Auto Logistics Việt Nam được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ngày 26/06/2017 và chính thức hoạt động.

3.3.3 - Công ty TNHH Yusen Logistics Việt Nam:

- VOSA chỉ còn góp 1% (4.000 USD) vốn điều lệ trong liên doanh và VOSA được nhận một khoản lợi nhuận cố định (5.000 USD/năm) cho đến khi hợp đồng liên doanh hết thời hạn.

4. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài chính: (*) Tỷ lệ trả cổ năm 2018 dự kiến là 20% bằng tiền mặt.

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2017	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	628.812.040.758	600.176.872.964	+4,8 %
Doanh thu thuần	914.803.795.976	864.322.632.494	+5,8 %
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	62.510.147.295	45.603.722.546	+37,1 %
Lợi nhuận khác	(1.175.600.000)	6.411.393.639	-118,3 %
Lợi nhuận trước thuế	61.334.547.295	52.015.116.185	+17,9 %
Lợi nhuận sau thuế	51.589.631.900	44.634.432.187	+15,6 %
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (*)	20%	20%	

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2017	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TS ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	1,499	1,338	
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>TS ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	1,499	1,338	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,449	0,454	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,815	0,833	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	N/A	N/A	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,455	1,440	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,056	0,052	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,149	0,136	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,082	0,074	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh /Doanh thu thuần	0,068	0,053	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu (tính đến ngày 31/12/2018):

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần: 14.096.486 cổ phần (mệnh giá 10.000đ/cp).

+ Số cổ phần tự do chuyển nhượng: 14.096.486 cổ phần.

+ Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần.

b) Cơ cấu cổ đông:

TT	Cơ cấu cổ đông	Cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông tổ chức (08 cổ đông)	7.852.203	55,70
2	Cổ đông cá nhân (691 cổ đông)	6.244.283	44,30
	Cộng 1 + 2	14.096.486	100,00
3	Cổ đông lớn (04 cổ đông)	10.511.271	74,57
4	Cổ đông nhỏ (695 cổ đông)	3.585.215	25,43
	Cộng 3 + 4	14.096.486	100,00
5	Cổ đông trong nước (691 cổ đông)	13.431.338	95,29
6	Cổ đông nước ngoài (08 cổ đông)	665.148	4,71
	Cộng 5 + 6	14.096.486	100,00
7	Cổ đông Nhà nước	7.196.838	51,05
8	Cổ đông khác	6.899.648	48,95
	Cộng 7 + 8	14.096.486	100,00
	699 cổ đông tổ chức và cá nhân	14.096.486	100,00

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.

e) Các chứng khoán khác: Không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty:



6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu :

Công ty hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ logistics, nên sử dụng rất ít nguyên, nhiên vật liệu, chủ yếu sử dụng cho đội xe vận tải; năng lượng điện, nước chủ yếu chỉ sử dụng cho các kho bãi và các văn phòng làm việc.

6.2. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

- Công ty luôn tuân thủ thực hiện các quy định pháp luật liên quan đến vấn đề môi trường, nhất là các quy định về môi trường liên quan đến hoạt động kinh doanh kho bãi, đội xe vận tải ...

- Hàng năm, Công ty đều có các quy định, yêu cầu các chi nhánh và toàn thể CBCVN thực hành tiết kiệm, trong đó có tiết kiệm điện, nước và bảo vệ môi trường nơi làm việc.

6.3. Chính sách liên quan đến người lao động:

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

- Tổng số lao động bình quân trong năm của Công ty: 612 người.

- Cơ cấu phân bổ lao động:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số lượng	Tỷ lệ (%)
I	Phân theo đối tượng lao động			
1	Người quản lý	Người	5	0,81
2	Lao động trực tiếp SXKD	Người	461	75,32
3	Lao động chuyên môn, nghiệp vụ	Người	86	14,05
4	Lao động thừa hành, phục vụ	Người	60	9,82
II	Phân theo trình độ lao động			
1	Đại học và sau đại học	Người	440	71,89
2	Cao đẳng và Trung cấp	Người	65	10,62
3	Khác	Người	107	17,49

+ Thu nhập bình quân năm 2018: 12.448.069 đồng/người/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:
- Công ty đã thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với người lao động theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cũng như Thỏa ước lao động tập thể. Công tác chăm lo đời sống vật chất tinh thần cho người lao động tại Công ty được quan tâm thích đáng; Phong trào thi đua lao động giỏi, vận động người lao động có các cải tiến, sáng kiến nhằm nâng cao năng suất lao động và hiệu quả kinh doanh được người lao động hưởng ứng tích cực.

- Công ty đã thực hiện mua bảo hiểm tai nạn 24/24 và đóng BHXH, BHYT, BHTN đầy đủ, đúng hạn cho toàn bộ người lao động.

c) Hoạt động đào tạo người lao động:

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp:

+ Công ty thường xuyên cử cán bộ tham gia tập huấn tại các lớp học về chuyên môn nghiệp vụ như: quản trị công ty, kế toán, logistics,... để cập nhật các kiến thức, thông tin mới về Luật thuế, BHXH, Luật Lao động ... và ngoại ngữ do các đơn vị trong và ngoài nước tổ chức.

+ Tổ chức Hội thảo chuyên đề về nghiệp vụ Đại lý tàu và Logistics nhằm tạo sự gắn kết và phối hợp giữa các chi nhánh trong toàn Công ty và nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của cán bộ lãnh đạo làm công tác chuyên môn.

+ Kế hoạch năm 2019:

_ Tổ chức khóa học về nghiệp vụ chăm sóc khách hàng và phát triển thị trường.

_ Tổ chức Hội thảo chuyên đề về lĩnh vực Tài chính kế toán, Tổ chức tiền lương.

_ Tổ chức chương trình truyền thông về văn hóa doanh nghiệp lấy khách hàng làm trung tâm.

6.4. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

- Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng.

+ Công ty tiếp tục có nhiều hoạt động thiết thực thể hiện trách nhiệm với cộng đồng, xã hội.

+ Công ty và toàn thể CBCNV tích cực tham gia đóng góp Quỹ ủng hộ CBCNV nghèo của Bộ GTVT, Tổng công ty Hàng hải và địa phương phát động ...

+ Công ty tiếp tục phụng dưỡng các mẹ Việt Nam anh hùng tại TP. HCM, Bến Tre, Quảng Nam, Hưng Yên v.v.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Điều hành:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Đánh giá những thuận lợi và khó khăn của nền kinh tế thế giới nói chung và của nền kinh tế Việt Nam nói riêng, Hội đồng quản trị và Ban điều hành đã trình lên Đại hội cổ đông năm 2018 kế hoạch sản xuất kinh doanh cho năm 2018 và đã được nhất trí thông qua, cụ thể như sau:

+ Tổng doanh thu: 938.200.000.000 đồng.

+ Lợi nhuận trước thuế: 60.000.000.000 đồng.

* *Tổng doanh thu = Doanh thu kinh doanh + Doanh thu tài chính + Thu khác*

- Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018 đã được kiểm toán:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ (%)
1	Tổng doanh thu	938.200	975.018	104 %
2	Doanh thu kinh doanh	870.000	914.804	105 %
3	Lợi nhuận trước thuế	60.000	61.335	102 %

- Mặc dù kết quả sản xuất kinh doanh của công ty tăng so với năm trước, đạt và vượt kế hoạch được giao và giữ mức tăng trưởng ổn định kể từ khi công ty cổ phần chính thức đi vào hoạt động cho tới nay nhưng sự cạnh tranh trong ngành dịch vụ hàng hải và logistics ngày càng khốc liệt, biên độ lợi nhuận từ những dịch vụ chính ngày càng giảm.

Tuy nhiên, nhận định về tình hình sản xuất kinh doanh của công ty trong năm 2018 và những yếu tố khách quan, chủ quan ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, Ban điều hành đã đặt kế hoạch cho năm 2018 cao hơn so với năm trước.

- Trên thực tế doanh thu thực hiện tăng so với kế hoạch do Công ty đã mở rộng SXKD chủ yếu trong lĩnh vực logistics.

- Doanh thu và lợi nhuận chung tăng so với năm trước nhưng lợi nhuận từ sản xuất kinh doanh chính ngày càng thu hẹp khi lợi nhuận biên từ các dịch vụ giảm, giá dịch vụ cung cấp cho một số khách hàng lớn phải giảm nên công ty phải tích cực tăng sản lượng phục vụ để đảm bảo doanh thu, lợi nhuận.

- Trước tình hình kinh tế khó khăn, Hội đồng quản trị và Ban điều hành công ty đã kịp thời đưa ra những quyết sách trong định hướng kinh doanh của công ty như:

+ Linh hoạt trong chính sách đối với khách hàng.

+ Không ngừng cải tiến và nâng cao chất lượng của dịch vụ cung cấp cho khách hàng.

+ Cắt giảm tối đa chi phí quản lý để tăng lợi nhuận.

+ Chỉ đầu tư vào những dự án mang lại hiệu quả nhanh, chưa đầu tư vào những dự án dài hạn, chưa cần thiết.

+ Tăng cường công tác quản trị công ty, đặc biệt là về tài chính và nhân sự.

- Những chính sách trên đã đưa đến những hiệu quả nhất định cho công ty, chi phí quản lý doanh nghiệp giảm xuống dù các chi phí quản lý đầu vào tăng lên.

2. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài sản:

- Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản, nợ phải thu xấu, tài sản xấu ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh).

a.1) Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Thiết bị văn phòng	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	90.449.510.952	38.015.819	44.396.299.702	4.793.737.887	139.677.564.360
Tăng trong năm	160.363.636	-	3.161.032.636	-	3.321.396.272
Chuyển từ chi phí XDCB dở dang	2.118.197.202	-	1.320.390.910	-	3.438.588.112

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Thiết bị văn phòng	Cộng
Thanh lý	-	-	(2.017.165.006)	-	(2.017.165.006)
Số cuối năm	92.728.071.790	38.015.819	46.860.558.242	4.793.737.887	144.420.383.738
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	47.740.301.578	38.015.819	30.358.435.672	4.454.285.253	82.591.038.322
Khấu hao trong năm	3.614.204.540	-	3.831.255.630	105.287.895	7.550.748.065
Thanh lý	-	-	(2.017.165.006)	-	(2.017.165.006)
Số cuối năm	51.354.506.118	38.015.819	32.172.526.296	4.559.573.148	88.124.621.381
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	42.709.209.374	-	14.037.864.030	339.452.634	57.086.526.038
Số cuối năm	41.373.565.672	-	14.688.031.946	234.164.739	56.295.762.357

a.2) Tăng, giảm tài sản cố định vô hình:

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	20.346.655.528	2.034.579.300	22.381.234.828
Số cuối năm	20.346.655.528	2.034.579.300	22.381.234.828
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	1.363.743.599	1.987.357.078	3.351.100.677
Khấu hao trong năm	224.973.343	16.666.668	241.640.011
Số cuối năm	1.588.716.942	2.004.023.746	3.592.740.688
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	18.982.911.929	47.222.222	19.030.134.151
Số cuối năm	18.757.938.586	30.555.554	18.788.494.140

a.3) Tăng, giảm bất động sản đầu tư: các công trình nhà kho và bãi cho thuê phát sinh tại Công ty mẹ.

Nguyên giá	
Số đầu năm	74.584.104.356
Số cuối năm	74.584.104.356
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	33.108.943.385
Khấu hao trong năm	4.094.770.019
Số cuối năm	37.203.713.404
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	41.475.160.971
Số cuối năm	37.380.390.952

a.4) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ và BĐS đầu tư trong năm	Giảm khác	Số cuối năm
XDCB dở dang	478.149.698	14.739.693.496	(3.438.588.112)	-	11.779.255.082

- Phân tích hiệu quả sử dụng tài sản:

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2017
Doanh thu / Tổng tài sản BQ	1,49	1,47
Doanh thu / Tài sản dài hạn BQ	4,09	3,60
Doanh thu / Nguyên giá TSCĐ BQ	5,56	4,49
LNST / Tổng tài sản BQ	0,08	0,08
LNST / Tài sản dài hạn BQ	0,23	0,19
LNST / Nguyên giá TSCĐ BQ	0,31	0,23

- Ảnh hưởng của nợ phải thu xấu đối với kết quả sản xuất kinh doanh:

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2017
Số dư đầu năm dự phòng phải thu	5.810.486.776	7.110.960.934
Trích lập dự phòng bổ sung	29.912.632	47.996.310
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Xử lý xóa nợ	(5.575.895.635)	(1.348.470.468)
Số cuối năm dự phòng phải thu	264.503.773	5.810.486.776
Tỷ lệ chi phí dự phòng / Lợi nhuận trước thuế	0,05 %	0,09 %
Tỷ lệ nợ khó đòi / Phải thu khách hàng	0,24 %	4,21 %

b) Tình hình nợ phải trả:

- Tình hình nợ hiện tại:

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2017
Nợ phải trả, trong đó:	282.316.517.153	272.759.991.058
<i>Nợ ngắn hạn</i>	280.571.965.719	270.186.439.624
<i>Nợ dài hạn</i>	1.744.551.434	2.573.551.434
Vốn chủ sở hữu	346.495.523.605	327.416.881.906
Hệ số khả năng thanh toán hiện thời (Tài sản ngắn hạn / Nợ ngắn hạn)	1,499	1,338
Hệ số khả năng thanh toán nhanh {(Tài sản ngắn hạn- Hàng tồn kho) / Nợ ngắn hạn}	1,499	1,338
Hệ số Nợ phải trả / Vốn chủ sở hữu	0,815	0,833
Hệ số Nợ vay / Vốn chủ sở hữu	0,002	0,001

- Công ty không có nợ phải trả quá hạn.

- Ảnh hưởng chi phí lãi vay đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty:

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2017
Chi phí lãi vay	55.996.272	17.576.881
Tỷ lệ chi phí lãi vay / Lợi nhuận trước thuế	0,09 %	0,03 %

- Ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty:

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2017
Chênh lệch tỷ giá làm tăng lợi nhuận (A)	3.279.187.311	2.922.714.925
<i>Lãi chênh lệch tỷ giá</i>	<i>3.279.187.311</i>	<i>2.922.714.925</i>
<i>Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
Chênh lệch tỷ giá làm giảm lợi nhuận (B)	1.594.022.424	1.323.057.087
<i>Lỗ chênh lệch tỷ giá</i>	<i>1.434.509.565</i>	<i>1.270.352.983</i>
<i>Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại</i>	<i>159.512.859</i>	<i>52.704.104</i>
(A) – (B)	1.685.164.887	1.599.657.838
Tỷ lệ CLTG / Lợi nhuận trước thuế	2,75 %	3,08 %

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- Trong năm qua, công ty tiếp tục kiện toàn cơ cấu bộ máy quản lý của công ty theo xu hướng trẻ hóa cán bộ để đáp ứng nhu cầu công việc.

- Ngay từ đầu năm, công ty đã xây dựng các kế hoạch tài chính, đầu tư và triệt để tiết kiệm chi phí quản lý công ty, phổ biến tới các chi nhánh và người lao động của công ty.

- Những tiến bộ công ty đã đạt được về công tác quản trị công ty:

_ Từng bước tái cơ cấu bộ máy quản trị, chú trọng vào công tác nhân sự và quản lý tài chính để tăng hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

_ Công ty xác định rõ trong tình hình vốn hoạt động còn hạn chế thì nguồn nhân lực là yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển của công ty nên công ty tập trung phát triển nguồn nhân lực của mình, đào tạo nên đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp, có kỹ năng tốt và có nhiệt huyết với công ty, xây dựng đội ngũ quản trị có hướng tới quy hoạch và kế thừa cho sự phát triển dài hạn.

_ Ban hành Quy chế quản lý công nợ để quy định rõ và siết chặt việc quản lý công nợ đối với các khách hàng, các quy định nội bộ.

_ Tình hình tài chính cũng từng bước cải thiện rõ rệt, công nợ được quản lý và đối chiếu, không còn ý kiến ngoại trừ trong báo cáo kiểm toán về vấn đề công nợ tiềm tàng.

_ Sửa đổi Quy chế tiền lương đã ban hành cho phù hợp với những quy định mới về tiền lương và phù hợp với tình hình thực tế sau một thời gian áp dụng quy chế mới, khắc phục những vấn đề còn bất cập trong quy chế tiền lương.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

*** Công ty xây dựng Chiến lược phát triển trung và dài hạn như sau:**

- Duy trì các dịch vụ hàng hải truyền thống như đại lý tàu rời và tàu liner, cung ứng tàu biển và các dịch vụ hàng hải liên quan;

- Xây dựng và thực hiện chiến lược về mở rộng thị trường, đẩy mạnh hoạt động marketing tới các chủ tàu, các chủ hàng lớn; tiếp tục đầu tư xây dựng hệ thống kho bãi, phương tiện xếp dỡ và phương tiện vận tải hiện đại đạt tiêu chuẩn để phát triển chuỗi dịch vụ logistics toàn diện với giá trị gia tăng như dịch vụ đại lý vận tải, kinh doanh kho bãi, kho ngoại quan; dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu hàng hóa v.v để đáp ứng mọi nhu cầu về dịch vụ trọn gói cho khách hàng;

- Tiếp tục tìm kiếm cơ hội đầu tư liên doanh với các thân chủ lớn, các hãng tàu, các công ty cung cấp dịch vụ logistics lớn trên thế giới để từng bước vươn ra thị trường quốc tế.

- Tiếp tục nâng cao công tác quản trị doanh nghiệp, nhất là quản trị tài chính.
- Duy trì các khách hàng hiện hữu, thu hút thêm khách hàng mới.
- Tiến hành thực hiện khảo sát, đánh giá định kỳ mức độ hài lòng của khách hàng 06 tháng/lần và phấn đấu đạt tối thiểu 80% khách hàng có phản hồi tốt về chất lượng dịch vụ do Công ty cung cấp.
- Xây dựng quy trình chăm sóc khách hàng.
- Xây dựng và triển khai áp dụng hệ thống các chỉ tiêu BSC-KPI tại Công ty.
- Nghiên cứu, bổ sung, sửa đổi Quy chế tiền lương theo mô hình 3Ps.
- Triển khai sử dụng phần mềm kho dữ liệu và báo cáo thống kê (MIS-BI) tại Công ty.

4.1. Kế hoạch SXKD và phân phối lợi nhuận năm 2019:

Đơn vị tính: VNĐ

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2018	KH 2019	Tỷ lệ (%)
1	Vốn Điều lệ	140.964.860.000	140.964.860.000	
2	Tổng doanh thu	975.017.698.927	995.000.000.000	103
3	Doanh thu kinh doanh	914.803.795.976	970.000.000.000	106
4	Tổng Lợi nhuận trước thuế	61.334.547.295	55.000.000.000	90
5	Lợi nhuận sau thuế	51.589.631.900	44.000.000.000	85
6	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	3.217	3.121	
7	Cổ tức (%)	20 %	10 %	

4.2. Kế hoạch đầu tư năm 2019:

4.2.1 - Các dự án xây dựng thực hiện các năm trước chuyển sang năm 2018: không có.

4.2.2 - Các dự án đầu tư, xây dựng mới năm 2019:

TT	Tên dự án	Hạng mục/ Quy mô	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)	Nguồn vốn	Thời gian thực hiện
I	VOSA QUẢNG NINH				
1	GPMB diện tích mở rộng sau điều chỉnh QH 2010	10.200 m ²	6.500	Vốn tự có	2018-2020
2	Xây dựng tuyến hàng rào bảo vệ tiếp giáp tuyến đường gom khu CN Cái Lân, công số 2 khu kho bãi, cầu cân ĐT 80T và nhà bảo vệ	Xây mới 450 m dài tường rào, cầu cân 80T, nhà bảo vệ.	2.700	Vốn tự có	Dự kiến thực hiện sau khi BQLKKT QN hoàn thành công tác GPMB, đến nay công tác GPMB chưa hoàn thành (2018-2020)

TT	Tên dự án	Hạng mục/ Quy mô	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)	Nguồn vốn	Thời gian thực hiện
3	Cải tạo nhà làm việc của VOSA Quảng Ninh tại Cái Lân - Khu văn phòng Hải Quan Cái Lân sau khi thanh lý hợp đồng và Khu văn phòng làm việc hiện tại	Sửa chữa cải tạo khoản 1.100 m ² nhà văn phòng làm việc	3.750	Vốn tự có	2019
4	Sửa chữa, thay mới hệ thống điện chiếu sáng, bảo vệ khu kho bãi và khu văn phòng	Sửa chữa thay thế	1.200	Vốn tự có	2019
5	Sửa chữa vừa và nhỏ hệ thống thiết bị, mái tôn, hệ thống thông gió kho 1A.	Sửa chữa cải tạo	1.500	Vốn tự có	2019
II	NORTHFREIGHT				
1	Mua xe ô tô vận tải	2 xe sơ mi rơ moóc + 2 xe tải nhỏ	4.700	VOSA	Quý II – Quý III
2	Sửa chữa kho, bãi container	Sửa chữa nhỏ, nhiều hạng mục	300	VOSA	Quý II
3	Xây dựng tường rào	Xây dựng rào thép và cổng khu vực giám sát hải quan	200	VOSA	Quý I
III	VOSA HẢI PHÒNG				
1	Mua xe ô tô	Xe ô tô 7C	1.200	VOSA	2019
IV	VOSA QUY NHƠN				
1	Sửa chữa văn phòng VOSA 147 Trần Hưng Đạo, Quy nhơn	Cải tạo sửa chữa căn nhà 3 tầng trên diện tích 130,64 m ² và cải tạo công năng khu vực phụ trợ 58 m ²	2.159	VOSA	Quý II – Quý III
V	VOSA NHA TRANG				
1	Mua xe ô tô	Xe ô tô 7C	1.000	Vay ngân hàng	Quý I
VI	VOSA SÀI GÒN				
1	Cao ốc văn phòng VOSA Sài Gòn	Bán hầm + 09 tầng nổi (tầng trệt, tầng lửng, 06 lầu, tầng sân thượng và mái che cầu thang) trên diện tích 361,1 m ²	10.000 (Tổng mức đầu tư: 21,428 tỷ đồng phân bổ trong 2 năm 2019 và 2020)	VOSA	Quý II/2019 đến Quý II/2020
Tổng giá trị đầu tư			35.209		

- Tổng giá trị đầu tư: 35.209.000.000 đồng (ba mươi lăm tỷ hai trăm lẻ chín triệu đồng).
- Nguồn vốn: trích từ Quỹ đầu tư phát triển. Quỹ đầu tư phát triển công ty tồn đến thời điểm báo cáo: 103 tỷ đồng (làm tròn).

5. Giải trình của Ban điều hành đối với ý kiến kiểm toán: Không có.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty:

- Đã báo cáo đánh giá tại điểm 6, Phần II - Tình hình hoạt động trong năm.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

- Năm 2018 là năm Công ty có nhiều khó khăn trong công tác kinh doanh, đặc biệt là sự cạnh tranh giữa các công ty cùng ngành dịch vụ hàng hải và logistics ngày càng khốc liệt; tình hình hàng hóa xuất nhập khẩu không ổn định, nhất là tình hình hàng hóa biên mậu Việt – Trung nên dịch vụ kho bãi, kho ngoại quan mặc dù đã dần khôi phục so với năm 2017, nhưng vẫn còn nhiều khó khăn, chi phí đầu vào tăng; đại lý liner cũng cạnh tranh khốc liệt, phí đại lý rất thấp. Tuy nhiên, về tổng thể, Công ty vẫn duy trì và phát triển được các dịch vụ, nhất là các dịch vụ đại lý tàu truyền thống, đại lý liner, dịch vụ logistics v.v. đạt được kết quả kinh doanh tương đối ổn định, hiệu quả cao. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) đạt 3.217 đồng/cổ phần.

- Công tác quản lý tài chính chặt chẽ, bảo toàn và phát triển vốn được thực hiện đúng chế độ và quy định của Nhà nước. Công ty quản lý tốt các nguồn thu, chi, đảm bảo đủ vốn cho hoạt động kinh doanh. Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế, ngân sách cho nhà nước.

- Thương hiệu VOSA vẫn được các khách hàng lớn trong và ngoài nước tin tưởng, ủy thác và tiếp tục hợp tác, liên doanh dài hạn.

- Người lao động có việc làm và thu nhập ổn định.

- Các đoàn thể đều hoạt động tốt, các phong trào thi đua, văn nghệ, thể thao được người lao động tham gia sôi nổi, nhiệt tình;

- Công tác đối với xã hội và cộng đồng được thực hiện với tinh thần trách nhiệm cao.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:

- Hội đồng quản trị đánh giá cao nỗ lực của Ban điều hành trong việc điều hành hoạt động hàng ngày và công tác quản lý nói chung. Ban điều hành đã thực hiện tốt các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thông qua, cũng như các Nghị quyết của Hội đồng quản trị trong năm 2018. Thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, cũng như các quy chế nội bộ của Công ty, đảm bảo lợi ích hợp pháp của Công ty và các cổ đông.

- Hội đồng quản trị Công ty có 03 thành viên trong Ban điều hành nên việc cung cấp thông tin, báo cáo cho các thành viên khác không trực tiếp điều hành được thường xuyên và đầy đủ, phục vụ kịp thời cho công tác chỉ đạo, giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban điều hành. Ngoài các phiên họp định kỳ, Ban điều hành cũng thường xuyên trao đổi để xử lý kịp thời và hiệu quả các vấn đề phát sinh.

- Mặc dù có 01 Phó Tổng Giám đốc nghỉ hưu đầu năm 2018, Ban Điều hành chỉ còn Tổng Giám đốc và 02 Phó Tổng Giám đốc, nhưng Ban điều hành đã tích cực, chủ động trong việc điều hành cũng như đề xuất với HĐQT các biện pháp cần thiết để nâng cao hiệu quả quản lý. Ban điều hành đã ban hành các quyết định để thực hiện nhiệm vụ theo đúng thẩm quyền, phù hợp với pháp luật và Điều lệ công ty.

- Ban Điều hành đã chỉ đạo các phòng ban, chi nhánh chủ động trong công việc, áp dụng các biện pháp hiệu quả để tăng doanh thu, tiết giảm chi phí v.v.

- Công ty giữ ổn định hoạt động kinh doanh, việc làm, thu nhập, quyền lợi cho người lao động và bảo toàn và phát triển vốn của các cổ đông là một nỗ lực đáng ghi nhận của Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các cán bộ quản lý trong năm 2018.

3. Các Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

- Năm 2019, nền kinh tế thế giới nói chung và kinh tế Việt Nam nói riêng đã có sự phục hồi, tuy vậy còn nhiều khó khăn, thách thức dự báo vẫn còn đang ở phía trước.

- Hội đồng quản trị Công ty đã họp Ban điều hành và các cán bộ quản lý, đánh giá những thuận lợi và khó khăn, đồng thời đề ra định hướng, kế hoạch, nhiệm vụ tổng quát cho năm 2019 như sau:

+ Tiếp tục phát huy lợi thế kinh doanh của VOSA, tăng cường công tác tiếp thị với các chủ tàu, chủ hàng, các công ty đại lý vận tải và cung cấp dịch vụ logistics trong và ngoài nước duy trì và phát triển các dịch vụ truyền thống đã có thương hiệu trong và ngoài nước như: đại lý tàu, đại lý vận tải, dịch vụ liner, phát triển chuỗi dịch vụ logistics trong đại lý vận tải, giao nhận, phân phối, thương mại xuất nhập khẩu v.v. trên cơ sở chiến lược chung và định hướng của Tổng công ty, phát huy lợi thế kinh doanh của từng chi nhánh cũng như phát huy triệt để mạng lưới hoạt động dịch vụ.

+ Phấn đấu giữ vững mục tiêu tăng trưởng cả về loại hình dịch vụ, doanh thu và lợi nhuận; có điều chỉnh kịp thời khi có biến động ở thị trường dịch vụ hàng hải và logistics quốc tế và trong nước; bảo toàn vốn, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch được xây dựng từ đầu năm 2019.

+ Tiếp tục nghiên cứu đầu tư xây dựng phát triển có chiều sâu với hiệu quả cao nhất: Nghiên cứu các dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, kho bãi, đầu tư mua sắm phương tiện và trang thiết bị hiện đại v.v... để nâng cao năng lực cạnh tranh, phục vụ cho việc phát triển chuỗi dịch vụ logistics; tìm kiếm, mở rộng quan hệ hợp tác, liên doanh với các đối tác nước ngoài để sử dụng tối ưu hệ thống cơ sở vật chất, kho bãi sẵn có; đầu tư mới theo yêu cầu của đối tác nếu mang lại hiệu quả nhanh.

+ Thực hành tiết kiệm, hạn chế mua sắm thiết bị, vật dụng không cần thiết v.v. Tiếp tục phấn đấu cắt giảm chi phí, đặc biệt là chi phí quản lý.

+ Kiện toàn tổ chức theo hướng tập trung nâng cao vai trò quản trị và điều hành của Công ty đối với chi nhánh.

+ Đầu tư phát triển nguồn nhân lực là một chiến lược quan trọng và lâu dài vì vậy Công ty tiếp tục có cơ chế tuyển dụng, quy hoạch và bổ nhiệm những người có bản lĩnh vững vàng, có năng lực đảm nhận các vị trí chủ chốt theo hướng trẻ hoá cán bộ. Tiếp tục hoàn thiện Quy chế trả lương và hệ thống thang, bảng lương mới cho phù hợp với mục tiêu trên để phát triển nguồn nhân lực cho toàn doanh nghiệp, đảm bảo đời sống của người lao động.

+ Hoàn thiện hệ thống các quy chế quản trị nội bộ Công ty đảm bảo công tác lãnh đạo, điều hành SXKD theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo việc làm và đời sống cán bộ công nhân viên, bảo đảm lợi ích của các nhà đầu tư.

+ Tiếp tục đẩy mạnh công tác quản lý tài chính theo đúng tinh thần công khai, minh bạch, đáp ứng các quy định của nhà nước đối với công ty cổ phần đã niêm yết trên sàn giao dịch.

+ Quan tâm, phối hợp và tạo điều kiện cho tổ chức Công đoàn, tổ chức Đoàn thanh niên hoạt động một cách hiệu quả nhất để nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người lao động.

- Hội đồng quản trị tiếp tục thực hiện tốt các trách nhiệm và nghĩa vụ của mình. Thực hiện công bố thông tin chính xác, kịp thời theo quy định của pháp luật.

V. Quản trị công ty:

1. Hội đồng quản trị:

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu	Hình thức	Số lượng chức danh TV HĐQT tại các Công ty khác	Ghi chú
1	Phạm Mạnh Cường	Chủ tịch HĐQT	0,02	Thành viên Chuyên trách	2	
2	Vũ Xuân Trung	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	0,02	Thành viên điều hành	2	
3	Trịnh Vũ Khoa	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	0,01	Thành viên điều hành	0	
4	Nguyễn Thị Thanh Trang	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	0,01	Thành viên điều hành	1	
5	Hoàng Hoa Phòng	Thành viên HĐQT	0,02	Thành viên không điều hành	1	
6	Ngô Thanh Tùng	Thành viên HĐQT	0,00	Thành viên không điều hành	1	Bắt đầu từ 31/05/2018
7	Trần Ngọc Lê	Thành viên HĐQT	0,00	Thành viên không điều hành	0	Bắt đầu từ 31/05/2018
8	Lê Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	0,00	Thành viên không điều hành	1	Từ nhiệm từ 31/05/2018
9	Nguyễn Hoài An	Thành viên HĐQT	0,00	Thành viên không điều hành	0	Từ nhiệm từ 31/05/2018

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Hội đồng quản trị hoạt động và thực thi nhiệm vụ theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, các Quy chế, quy định của Công ty và các văn bản pháp luật có liên quan.

- Năm 2018, HĐQT đã thực hiện 05 lần họp và 11 lần lấy ý kiến các thành viên HĐQT dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản để chỉ đạo kịp thời công tác tổ chức quản lý SXKD, đầu tư XDCB ... Nội dung chính của các cuộc họp và lấy ý kiến đã được trình bày chi tiết tại Báo cáo quản trị Công ty năm 2018.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành: tham gia đầy đủ các cuộc họp. Thực hiện nhiệm vụ, quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, các Quy chế, Quy định của Công ty.

- Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.

TT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Phạm Mạnh Cường	Chủ tịch HĐQT	
2	Vũ Xuân Trung	Phó Chủ tịch HĐQT	
3	Nguyễn Thị Thanh Trang	Thành viên HĐQT	
4	Hoàng Việt	Trưởng BKS	

- Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: Không có.

2. Ban Kiểm soát:

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu (%)	Ghi chú
1	Hoàng Việt	Trưởng BKS	0	
2	Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên BKS	0,0086	
3	Lê Hoàng	Thành viên BKS	0,0043	
4	Vũ Xuân Hưng	Thành viên BKS	0,0009	
5	Đặng Thị Hồng Liên	Thành viên BKS	0	Từ nhiệm từ 31/05/2018
6	Trần Thị Hạnh	Thành viên BKS	0	Bắt đầu từ 31/05/2018

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

TT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên BKS	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Hoàng Việt	Trưởng BKS	04/06/2014	3/3	100%	
2	Nguyễn Mạnh Hùng	Ủy viên BKS	04/06/2014	3/3	100%	
3	Lê Hoàng	Ủy viên BKS	04/06/2014	3/3	100%	
4	Vũ Xuân Hưng	Ủy viên BKS	04/06/2014	3/3	100%	
5	Đặng Thị Hồng Liên	Ủy viên BKS	04/06/2014	2/2	100%	Từ nhiệm từ 31/05/2018
6	Trần Thị Hạnh	Ủy viên BKS	31/05/2018	1/1	100%	Bắt đầu từ 31/05/2018

- Xem xét, đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành liên quan đến việc thực hiện kế hoạch tài chính và hoạt động năm 2018 đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua, giám sát việc tuân thủ quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

- Xem xét các Báo cáo tài chính định kỳ; báo cáo thường niên tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh và kế hoạch của Công ty;

- Ban Kiểm soát đã tham dự đầy đủ các phiên họp thường kỳ của HĐQT. Ban Kiểm soát đã thu thập thông tin đánh giá công tác quản lý điều hành theo đúng chức năng nhiệm vụ, đảm bảo tính khách quan, thực hiện đóng góp ý kiến các vấn đề liên quan đến việc quản lý tài chính, điều hành kinh doanh của Công ty.

- Ban Kiểm soát đã thực hiện kiểm tra Báo cáo tài chính của VOSA Bến Thủy.

- Trong quá trình hoạt động, Ban Kiểm soát đã được HĐQT và Ban Tổng Giám đốc cung cấp, trao đổi thông tin để hiểu rõ những thuận lợi cũng như khó khăn trong công tác tổ chức điều hành, quản lý công ty;

- Một số công việc khác theo quy định.

*** Đánh giá kết quả giám sát tình hình thực hiện kết quả sản xuất kinh doanh, thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên, lập báo cáo tài chính năm 2018 của công ty:**

- Hoạt động kinh doanh:

+ Ban kiểm soát đã giám sát công tác tổ chức hoạt động kinh doanh, kết quả hoạt động năm 2018 của Công ty và thống nhất đánh giá như sau:

+ Năm 2018, nền kinh tế toàn cầu tiếp tục tăng trưởng thấp hơn dự báo và còn nhiều yếu tố bất ổn. Tuy nhiên với sự chỉ đạo đúng đắn, kịp thời của Hội đồng quản trị, sự đồng lòng quyết tâm của Ban Điều hành và toàn thể cán bộ nhân viên trong Công ty, hoạt động kinh doanh của Công ty tiếp tục hoàn thành các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận do ĐHĐCĐ giao.

*** Việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2018:**

- Công ty đã tiến hành thông báo và chi trả cổ tức năm 2017 (10% bằng cổ phiếu và 20% bằng tiền mặt) cho các cổ đông theo Nghị quyết đã được thông qua tại ĐHĐCĐ.

- Công ty hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 theo Nghị quyết đã được thông qua tại ĐHĐCĐ.

- Công ty đã thực hiện việc chi thù lao cho HĐQT và BKS năm 2018; phân bổ các quỹ theo đúng Nghị quyết đã được thông qua tại ĐHĐCĐ.

- Công ty đã lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018 là Công ty TNHH KPMG.

*** Kết quả thẩm định Báo cáo tài chính năm 2018:**

- Trên cơ sở Báo cáo tài chính do Ban điều hành Công ty lập, Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG. Ban Kiểm soát đã xem xét thẩm định và có ý kiến thống nhất với ý kiến kiểm toán của Công ty TNHH KPMG là “Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam tại ngày 31/12/2018, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính”.

*** Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty:**

- Hoạt động của Hội đồng Quản trị:

+ Năm 2018, HĐQT đã thực hiện 05 lần họp và 11 lần lấy ý kiến các thành viên HĐQT dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. HĐQT đã ban hành 16 Nghị quyết liên quan đến công tác SXKD, tổ chức nhân sự, đầu tư, v.v... Các thành viên HĐQT đã thực hiện nghĩa vụ và quyền hạn của mình theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ, các quy định của Công ty. HĐQT đã làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, thống nhất kịp thời chỉ đạo Công ty hoàn thành các nội dung theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2018 và HĐQT cũng đã kịp thời chỉ đạo Ban điều hành Công ty tăng cường công tác quản lý tài chính, kế toán với các đơn vị hạch toán phụ thuộc còn tồn tại yếu kém, tuân thủ các quy định của Pháp luật;

+ Trong năm 2018, Ban Kiểm soát không nhận được bất kỳ kiến nghị nào của Cổ đông về sai phạm của HĐQT Công ty trong quá trình thực hiện nhiệm vụ;

+ Trong quá trình thực thi nhiệm vụ, Ban kiểm soát đã được HĐQT, Ban điều hành Công ty tạo mọi điều kiện thuận lợi để hoàn thành nhiệm vụ.

+ Đánh giá chung: HĐQT đã hoàn thành tốt nhiệm vụ mà ĐHĐCĐ giao.

- Hoạt động của Ban điều hành:

+ Ban kiểm soát đánh giá cao những cố gắng của Ban điều hành Công ty trong việc tổ chức triển khai hoạt động kinh doanh của Công ty, chủ động tích cực ứng phó nhanh chóng kịp thời với những biến động của thị trường dịch vụ hàng hải trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế và lĩnh vực hàng hải trong nước và thế giới để hoàn thành nhiệm vụ được ĐHĐCĐ giao và thực hiện các Nghị Quyết của HĐQT.

+ Trong năm qua Ban kiểm soát cũng không nhận được bất kỳ đơn thư, khiếu kiện nào có liên quan đến bất kỳ thành viên nào của Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty.

+ Đánh giá chung: Ban Điều hành đã hoàn thành tốt nhiệm vụ mà ĐHĐCĐ và HĐQT giao.

*** Phương hướng hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2019:**

- Giám sát Hội đồng quản trị và Ban điều hành thực hiện Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2019.

- Kiểm tra giám sát tính hợp lý, hợp pháp, tính cẩn trọng, trung thực trong các báo cáo của Công ty về hoạt động sản xuất kinh doanh và công tác tài chính kế toán;

- Phối hợp cùng các Ban chuyên môn và Công ty kiểm toán độc lập để giám sát việc quản lý và sử dụng vốn, tài sản, công nợ của các chi nhánh theo điều lệ Công ty, quy chế quản trị nội bộ và các quy định của Nhà nước. Tiếp tục thực hiện kiểm tra một số chi nhánh.

- Tham dự đầy đủ các phiên họp thường kỳ của HĐQT để nắm bắt tình hình thực hiện công tác giám sát quản trị và điều hành của Công ty đồng thời đóng góp ý kiến các vấn đề liên quan đến việc quản lý tài chính, điều hành kinh doanh của Công ty.

- Thực hiện các công tác khác theo chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát.

* Kiến nghị của Ban Kiểm soát:

- Đề nghị Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc xem xét, chỉ đạo các đơn vị được kiểm tra rút kinh nghiệm theo các ý kiến của Ban Kiểm soát tại Biên bản kiểm tra và chỉ đạo Ban Tài chính kế toán, Ban Quản lý đầu tư rà soát để chấn chỉnh các sai sót tương tự (nếu có) tại Văn phòng và các chi nhánh khác nhằm đảm bảo thực hiện đúng các quy định về công tác đầu tư và tài chính kế toán.

- Đề nghị Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sớm hoàn thành việc rà soát Quy chế quản lý tài chính, quy chế chi tiêu nội bộ đã ban hành từ năm 2011 đến nay chưa được sửa đổi để cập nhật cho phù hợp thực tế và quy định hiện hành việc quản lý tài chính, bổ sung quy định về quản lý và sử dụng các Quỹ tại Công ty trình cấp có thẩm quyền xem xét thông qua và ban hành.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát:

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

- Hội đồng quản trị thực hiện chi tiền thưởng và thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành theo đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 đã thông qua ngày 31/05/2018.

TT	Chỉ tiêu	Năm 2018
1	Thù lao HĐQT và BKS	1.164.000.000
1.1	Thù lao của thành viên HĐQT (bình quân 9tr đồng/người/tháng): 09 người	756.000.000
1.2	Thù lao của thành viên BKS (bình quân 6tr đồng/người/tháng): 05 người	360.000.000
2	Tiền thưởng HĐQT, BĐH và BKS (*)	838.963.190
	Cộng	2.002.963.190

Ghi chú: () Tiền thưởng năm 2018, dự kiến chi trong năm 2019.*

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có.

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

- Công ty luôn thực hiện theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, Nghị định 71/2017/NĐ-CP, Luật chứng khoán, Điều lệ và các quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thực hiện tốt các quy định liên quan đến quyền và nghĩa vụ cổ đông và Đại hội cổ đông; thực hiện đúng các quy định về trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát; ngăn ngừa các xung đột lợi ích và không có các giao dịch với người có liên quan trong năm 2018, đảm bảo quyền hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến công ty; thực hiện công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình SXKD, tài chính, quản trị công ty cho UBCKNN và cổ đông.

*** Những nội dung chưa thực hiện được theo quy định của pháp luật về quản trị Công ty:**

- Việc tổ chức Đại hội cổ đông còn chậm trễ, chưa đúng thời hạn quy định, Công ty sẽ cố gắng thực hiện tốt hơn quy định này.

VII. Báo cáo tài chính:

- Đề nghị xem toàn bộ Báo cáo tài chính đính kèm.

**Xác nhận của đại diện theo pháp luật
của Công ty**



Vũ Xuân Trung



**Công ty Cổ phần
Đại lý Hàng hải Việt Nam**

**Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2018**



Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thông tin về Công ty

Quyết định số 5099/QĐ-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2005

Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 4103005432 ngày 20 tháng 10 năm 2006

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0300437898 ngày 20 tháng 9 năm 2018. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các giấy điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị	Ông Phạm Mạnh Cường Ông Vũ Xuân Trung Ông Hoàng Hoa Phòng Ông Trịnh Vũ Khoa Bà Nguyễn Thị Thanh Trang Ông Ngô Thanh Tùng Ông Trần Ngọc Lê Ông Nguyễn Hoài An Ông Lê Anh Tuấn	Chủ tịch Phó Chủ tịch Ủy viên Ủy viên Ủy viên Ủy viên Ủy viên (từ ngày 31 tháng 5 năm 2018) Ủy viên (từ ngày 31 tháng 5 năm 2018) Ủy viên (đến ngày 31 tháng 5 năm 2018) Ủy viên (đến ngày 31 tháng 5 năm 2018)
Ban Kiểm soát	Ông Hoàng Việt Ông Nguyễn Mạnh Hùng Ông Lê Hoàng Ông Vũ Xuân Hưng Bà Trần Thị Hạnh Bà Đặng Thị Hồng Liên	Trưởng Ban Kiểm soát Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên (từ ngày 31 tháng 5 năm 2018) Thành viên (đến ngày 31 tháng 5 năm 2018)
Ban Giám đốc	Ông Vũ Xuân Trung Ông Trịnh Vũ Khoa Bà Nguyễn Thị Thanh Trang	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc
Trụ sở đăng ký	Lầu 5, tòa nhà Petroland Số 12 đường Tân Trào Phường Tân Phú Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 44 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính này.



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2019



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 29 tháng 3 năm 2019, được trình bày từ trang 5 đến trang 44.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.




Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 18-01-00333-19-1




Auvarin Phoi
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2252-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc



Hà Vũ Định
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0414-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2019

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		420.529.046.220	361.517.711.303
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	172.124.412.050	151.791.888.918
Tiền	111		127.124.412.050	112.991.602.474
Các khoản tương đương tiền	112		45.000.000.000	38.800.286.444
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		61.001.500.000	31.500.500.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(a)	61.001.500.000	31.500.500.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		176.440.421.224	167.253.664.102
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	149.394.512.318	139.598.389.781
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		7.300.597.148	3.834.417.914
Phải thu ngắn hạn khác	136	7(a)	20.009.815.531	29.631.343.183
Dự phòng phải thu khó đòi	137	8	(264.503.773)	(5.810.486.776)
Hàng tồn kho	140		-	877.500
Tài sản ngắn hạn khác	150		10.962.712.946	10.970.780.783
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		174.189.151	302.994.690
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		10.750.702.312	10.273.467.591
Thuế phải thu Nhà nước	153	15(b)	37.821.483	394.318.502
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		208.282.994.538	238.659.161.661
Các khoản phải thu dài hạn	210		8.874.733.470	8.951.498.470
Phải thu dài hạn khác	216	7(b)	8.874.733.470	8.951.498.470
Tài sản cố định	220		75.084.256.497	76.116.660.189
Tài sản cố định hữu hình	221	9	56.295.762.357	57.086.526.038
Nguyên giá	222		144.420.383.738	139.677.564.360
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(88.124.621.381)	(82.591.038.322)
Tài sản cố định vô hình	227	10	18.788.494.140	19.030.134.151
Nguyên giá	228		22.381.234.828	22.381.234.828
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.592.740.688)	(3.351.100.677)
Bất động sản đầu tư	230	11	37.380.390.952	41.475.160.971
Nguyên giá	231		74.584.104.356	74.584.104.356
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(37.203.713.404)	(33.108.943.385)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Tài sản dở dang dài hạn	240		11.779.255.082	478.149.698
Xây dựng cơ bản dở dang	242	12	11.779.255.082	478.149.698
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5(b)	13.591.049.498	49.811.912.911
Đầu tư vào công ty con	251		-	37.392.586.378
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết	252		4.458.000.000	4.458.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		11.614.263.664	11.604.466.483
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(2.481.214.166)	(3.643.139.950)
Tài sản dài hạn khác	260		61.573.309.039	61.825.779.422
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	61.573.309.039	61.825.779.422
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		628.812.040.758	600.176.872.964
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		282.316.517.153	272.759.991.058
Nợ ngắn hạn	310		280.571.965.719	270.186.439.624
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	103.522.121.642	109.390.961.993
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		17.431.115.653	8.709.356.891
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15(a)	12.928.756.880	11.181.407.367
Phải trả người lao động	314		28.320.939.746	24.051.172.365
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		5.137.314.039	4.653.690.807
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		181.818.182	181.818.182
Phải trả ngắn hạn khác	319	16(a)	105.293.523.420	104.477.110.382
Vay ngắn hạn	320	18(a)	156.000.000	96.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	17	7.600.376.157	7.444.921.637
Nợ dài hạn	330		1.744.551.434	2.573.551.434
Chi phí phải trả dài hạn	333		500.000.000	500.000.000
Phải trả dài hạn khác	337	16(b)	801.551.434	1.729.551.434
Vay dài hạn	338	18(b)	443.000.000	344.000.000

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

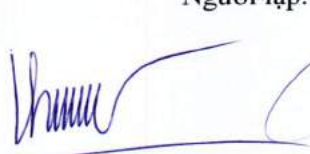

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		346.495.523.605	327.416.881.906
Vốn chủ sở hữu	410	19	346.495.523.605	327.416.881.906
Vốn cổ phần	411	20	140.964.860.000	128.149.940.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		140.964.860.000	128.149.940.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	22(a)	103.029.036.365	106.923.530.597
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	22(b)	14.246.587.566	13.661.445.019
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		88.255.039.674	78.681.966.290
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		36.665.407.774	34.047.534.103
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		51.589.631.900	44.634.432.187
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		628.812.040.758	600.176.872.964

Ngày 29 tháng 3 năm 2019

Người lập:

Nguyễn Lương Huy
Kế toán tổng hợp

Võ Trung Thắng
Phó ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:



Xuân Trung
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

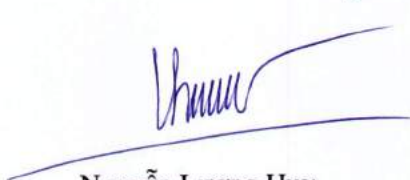
Mẫu B 02 – DN


(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2018 VND	2017 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	914.803.795.976	864.322.632.494
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	25	822.462.551.190	772.648.207.106
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		92.341.244.786	91.674.425.388
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	59.806.906.489	25.650.830.166
Chi phí tài chính	22	27	4.362.890.560	2.572.260.178
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		55.996.272	17.576.881
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	85.275.113.420	69.149.272.830
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 26)	30		62.510.147.295	45.603.722.546
Thu nhập khác	31	29	406.996.462	7.787.399.775
Chi phí khác	32	30	1.582.596.462	1.376.006.136
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(1.175.600.000)	6.411.393.639
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		61.334.547.295	52.015.116.185
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	9.744.915.395	7.380.683.998
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	32	-	-
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		51.589.631.900	44.634.432.187
Lãi trên cổ phiếu				(đã điều chỉnh lại)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	3.217	2.732

Ngày 29 tháng 3 năm 2019

Người lập:


Nguyễn Lương Huy
Kế toán tổng hợp


Võ Trung Thắng
Phó ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:


Vũ Xuân Trung
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2018 VND	2017 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		61.334.547.295	52.015.116.185
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao	02		11.887.158.095	11.683.939.539
Các khoản dự phòng	03		2.309.852.044	1.276.124.767
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		159.512.859	52.704.104
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(56.864.173.723)	(23.753.091.620)
Chi phí lãi vay	06		55.996.272	17.576.881
Xóa sổ khoản vay dài hạn	07		-	(6.591.420.000)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		18.882.892.842	34.700.949.856
Biến động các khoản phải thu	09		(8.721.354.218)	(7.006.580.967)
Biến động hàng tồn kho	10		877.500	(877.500)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		6.469.764.822	11.714.414.974
Biến động chi phí trả trước	12		381.275.922	1.051.234.010
			17.013.456.868	40.459.140.373
Tiền lãi vay đã trả	14		(55.996.272)	(17.576.881)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(8.628.614.388)	(6.356.910.868)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(6.725.547.681)	(6.961.506.309)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.603.298.527	27.123.146.315

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)


Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)


	Mã số	Thuyết minh	2018 VND	2017 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(16.678.753.055)	(5.947.357.147)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		336.454.545	1.028.284.812
Tiền chi cho các khoản đầu tư ngắn hạn	23		(29.501.000.000)	(1.500.500.000)
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		-	(4.458.000.000)
Tiền thu từ thanh lý công ty con	26		67.565.000.000	1.722.715.558
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		22.383.114.440	21.231.532.497
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		44.104.815.930	12.076.675.720
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		2.968.889.940	2.601.969.194
Tiền trả nợ gốc vay	34		(2.809.889.940)	(2.161.969.194)
Tiền trả cổ tức	36		(25.645.905.500)	(17.161.548.990)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(25.486.905.500)	(16.721.548.990)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		20.221.208.957	22.478.273.045
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		151.791.888.918	129.423.860.775
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		111.314.175	(110.244.902)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	4	172.124.412.050	151.791.888.918

Ngày 29 tháng 3 năm 2019


Người lập:

Người duyệt:


 Nguyễn Lương Huy
 Kế toán tổng hợp


 Võ Trung Thăng
 Phó ban Tài chính Kế toán




 Xuân Trung
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam (“Công ty”) được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp nhà nước – Đại lý hàng hải Việt Nam theo Quyết định số 5099/QĐ-BGVTT ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Bộ Giao thông Vận tải và đăng ký thành lập dưới hình thức công ty cổ phần. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội vào ngày 22 tháng 12 năm 2015, mã chứng khoán VSA.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là: đại lý, kiểm đếm hàng hóa; môi giới và dịch vụ hàng hải; đại lý tàu biển và đại lý hàng hải; sản xuất các loại miếng đệm kỹ thuật; vận tải container bằng đường bộ; cho thuê văn phòng; dịch vụ cung ứng tàu biển; xuất nhập khẩu, mua bán, đại lý ký gửi hàng hóa trong và ngoài nước gồm: hóa chất phục vụ sản xuất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), hàng nông – hải sản; vận tải hàng hóa bằng đường bộ và đường thủy; bốc xếp hàng hóa; đại lý ký gửi hàng; vận tải đa phương quốc tế; dịch vụ lai dắt tàu biển; dịch vụ logistic; mua bán, cho thuê và sửa chữa container; kinh doanh vận tải biển; kinh doanh kho bãi; kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch, khách sạn (không kinh doanh khách sạn tại trụ sở); và dịch vụ khai thuê hải quan.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có 606 nhân viên (1/1/2018: 632 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(e) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|----------------------------|------------|
| ▪ nhà cửa và vật kiến trúc | 6 – 44 năm |
| ▪ máy móc và thiết bị | 5 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 5 – 11 năm |
| ▪ thiết bị văn phòng | 3 – 10 năm |

(f) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá và không khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 34 đến 50 năm.

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 2 năm.

(j) Phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(k) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần thu từ phát hành cổ phiếu vượt trên mệnh giá được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(m) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi dịch vụ hoàn thành và được khách hàng chấp thuận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(iii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(iv) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(v) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(n) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(o) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(p) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng.

(q) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Công ty cho rằng Công ty hoạt động trên một vùng địa lý là Việt Nam và hoạt động kinh doanh là cung cấp dịch vụ đại lý hàng hải và dịch vụ có liên quan.

(r) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2018	1/1/2018
	VND	VND
Tiền mặt	3.001.872.561	2.272.103.618
Tiền gửi ngân hàng	124.122.539.489	110.719.498.856
Các khoản tương đương tiền	45.000.000.000	38.800.286.444
	<hr/>	<hr/>
	172.124.412.050	151.791.888.918
	<hr/>	<hr/>

5. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2018		1/1/2018	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	61.001.500.000	61.001.500.000	31.500.500.000	31.500.500.000
	<hr/>			

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2018		1/1/2018			
	Số lượng	Giá gốc VND	% sở hữu	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư góp vốn vào:						
▪ Công ty con						
• Công ty Cổ phần Bất động sản Đại lý Hàng hải Việt Nam (i)		-	51,5%	-	37.392.586.378	3.298.215.730
▪ Công ty liên kết						
• Công ty TNHH NYK Auto Logistics (Việt Nam) (ii)	20%	4.458.000.000		2.481.214.166	4.458.000.000	344.924.220
▪ Đơn vị khác						
• Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam (iii)	913.390	7.400.160.000		-	7.400.160.000	-
• Tổng Công ty Cổ phần Thép Việt Nam	200.000	2.020.000.000		-	2.020.000.000	-
• Công ty Cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam	50.000	500.000.000		-	500.000.000	-
• Công ty TNHH Yusen Logistics và Vận tải Việt Nam (iv)	51%	1.072.836.000	51%	-	1.072.836.000	-
• Công ty TNHH Yusen Logistics Việt Nam	1%	63.746.040	1%	-	63.746.040	-
• Công ty liên doanh Bông Sen	0,27%	557.521.624	0,27%	-	547.724.443	-
		11.614.263.664		-	11.604.466.483	-
		16.072.263.664		2.481.214.166	53.455.052.861	3.643.139.950

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

- (i) Khoản 9 Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2009 của Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam thông qua việc thành lập Công ty cổ phần để thực hiện Dự án xây dựng Trung tâm điều hành sản xuất kinh doanh tại số 1 Bến Vân Đồn, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh. Các cổ đông của Công ty Cổ phần Bất động sản Đại lý Hàng hải Việt Nam (“VOSALAND”) thực hiện thỏa thuận góp vốn, trong đó Công ty cam kết góp 51,5% bao gồm giá trị quyền sử dụng đất số 1 Bến Vân Đồn, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh và 5.000.000.000 VND bằng tiền. Đến quý 3 năm 2015, Công ty đã hoàn tất thủ tục góp vốn vào VOSALAND. Vốn điều lệ VOSALAND là 100 tỷ VND, giá trị khoản đầu tư vào công ty con được trình bày theo giá gốc. Trong năm 2018, Công ty đã thanh lý khoản đầu tư vào công ty con với số tiền là 67.565.000.000 VND và lãi 33.614.278.818 VND được ghi vào doanh thu hoạt động tài chính (thuyết minh 26).
- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0314465616 ngày 16 tháng 6 năm 2017, Công ty là nhà đầu tư sở hữu 20% vốn điều lệ trong Công ty TNHH NYK Auto Logistics (Việt Nam), một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập tại Việt Nam. Nhà đầu tư sở hữu 80% vốn điều lệ còn lại là Nippon Yusen Kabushiki Kaisha (NYK Line). Tại ngày 6 tháng 7 năm 2017, Công ty đã góp đủ vốn điều lệ 200.000 USD (tương đương 4.458.000.000 VND) vào Công ty TNHH NYK Auto Logistics (Việt Nam) và ghi nhận khoản đầu tư vào công ty liên kết này.
- (iii) Công ty là cổ đông sáng lập Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam (“MSB”) vào năm 1991. Số cổ phiếu Công ty sở hữu là tích lũy qua nhiều năm do quá trình góp vốn, tăng vốn bằng cổ phiếu, chi cổ tức bằng cổ phiếu.
- (iv) Theo hợp đồng liên doanh, Công ty không tham gia quản lý và điều hành công ty liên doanh. Ban Giám đốc đánh giá Công ty không có quyền kiểm soát hay ảnh hưởng đáng kể đối với công ty liên doanh. Do đó, khoản đầu tư này được phân loại là đầu tư vốn vào đơn vị khác.

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn trong năm như sau:

	2018	2017
	VND	VND
Số dư đầu năm	3.643.139.950	5.590.504.272
Trích lập trong năm	2.279.939.412	1.228.128.457
Sử dụng trong năm	(3.441.865.196)	(3.175.492.779)
Số dư cuối năm	<u>2.481.214.166</u>	<u>3.643.139.950</u>

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	31/12/2018	1/1/2018
	VND	VND
Công ty TNHH Naigai Nitto Logistics Việt Nam	14.487.609.354	16.576.621.043
Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo	12.598.464.466	5.103.478.450
Nippon Yusen Kabushiki Kaisha	13.313.411.970	17.906.596.882
Các khách hàng khác	108.995.026.528	100.011.693.406
	<hr/>	<hr/>
	149.394.512.318	139.598.389.781
	<hr/>	<hr/>

(b) Phải thu của khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán

	31/12/2018	1/1/2018
	VND	VND
Ngắn hạn	149.394.512.318	139.598.389.781
	<hr/>	<hr/>

(c) Phải thu của khách hàng là bên liên quan

	31/12/2018	1/1/2018
	VND	VND
Các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ		
Công ty Cổ phần Vinalines Nha Trang	125.410.683	125.410.683
Công ty Cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam	-	74.468.975
Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân	-	72.308.130
Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu	-	7.408.500
	<hr/>	<hr/>
	125.410.683	279.596.288
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

7. Các khoản phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2018	1/1/2018
	VND	VND
Chi hộ vận chuyển, cước tàu, phí lưu kho, phí chứng từ, xếp dỡ cho các hãng tàu	9.814.041.039	14.277.091.065
Tạm ứng nhân viên	6.874.885.420	7.478.767.355
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.149.245.000	1.207.345.000
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.498.350.961	1.012.822.222
Phải thu cổ tức	35.000.000	-
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	313.305	1.512.000
Phải thu khác	637.979.806	5.653.805.541
	20.009.815.531	29.631.343.183

(b) Phải thu dài hạn khác

	31/12/2018	1/1/2018
	VND	VND
Ký quỹ, ký cược dài hạn	8.874.733.470	8.951.498.470
	8.874.733.470	8.951.498.470

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

8. Nợ xấu và nợ khó đòi

	31/12/2018			1/1/2018				
	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn								
Daiichi Chuo Marine Co., Ltd. (*)	Trên 3 năm	-	-	-	Trên 3 năm	5.575.895.635	5.575.895.635	-
Công ty Cổ phần Vinalines Nha Trang	Trên 3 năm	125.410.683	62.705.342	62.705.341	Trên 3 năm	125.410.683	62.705.342	62.705.341
Khách hàng khác	Trên 3 năm	177.540.974	177.540.974	-	Trên 3 năm	158.690.390	158.690.390	-
Khách hàng khác	Từ 2 – 3 năm	-	-	-	Từ 2 – 3 năm	18.850.584	13.195.409	5.655.175
Khách hàng khác	Từ 1 – 2 năm	48.514.913	24.257.457	24.257.456	Từ 1 – 2 năm	-	-	-
		351.466.570	264.503.773	86.962.797		5.878.847.292	5.810.486.776	68.360.516
<i>Trong đó:</i>								
Dự phòng phải thu khó đòi ngắn hạn			264.503.773				5.810.486.776	

(*) Vào ngày 28 tháng 12 năm 2018, Công ty đã xóa sổ khoản nợ phải thu đối tượng Daiichi Chuo Marine Co., Ltd., đã được trích lập 100% dự phòng nợ phải thu khó đòi số tiền 5.575.895.635 VND theo Quyết định số 227/QĐ-TGD về việc xử lý công nợ Daiichi Chuo Marine Co., Ltd., căn cứ nghị quyết số 05/2018/NQ/HĐQT-NK3 ngày 16 tháng 11 năm 2018 của HĐQT Công ty cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam.

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	90.449.510.952	38.015.819	44.396.299.702	4.793.737.887	139.677.564.360
Tăng trong năm	160.363.636	-	3.161.032.636	-	3.321.396.272
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	2.118.197.202	-	1.320.390.910	-	3.438.588.112
Thanh lý	-	-	(2.017.165.006)	-	(2.017.165.006)
Số dư cuối năm	92.728.071.790	38.015.819	46.860.558.242	4.793.737.887	144.420.383.738
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	47.740.301.578	38.015.819	30.358.435.672	4.454.285.253	82.591.038.322
Khấu hao trong năm	3.614.204.540	-	3.831.255.630	105.287.895	7.550.748.065
Thanh lý	-	-	(2.017.165.006)	-	(2.017.165.006)
Số dư cuối năm	51.354.506.118	38.015.819	32.172.526.296	4.559.573.148	88.124.621.381
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	42.709.209.374	-	14.037.864.030	339.452.634	57.086.526.038
Số dư cuối năm	41.373.565.672	-	14.688.031.946	234.164.739	56.295.762.357

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 42.168.825.570 VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (1/1/2018: 39.428.089.959 VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 1.252.558.338 VND (1/1/2018: 710.129.219 VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho khoản vay của Công ty (thuyết minh 18(b)).

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm và số dư cuối năm	20.346.655.528	2.034.579.300	22.381.234.828
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	1.363.743.599	1.987.357.078	3.351.100.677
Khấu hao trong năm	224.973.343	16.666.668	241.640.011
Số dư cuối năm	1.588.716.942	2.004.023.746	3.592.740.688
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	18.982.911.929	47.222.222	19.030.134.151
Số dư cuối năm	18.757.938.586	30.555.554	18.788.494.140

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản có nguyên giá 1.984.579.300 VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (1/1/2018: 1.984.579.300 VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và số dư cuối năm	74.584.104.356
<hr/>	
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	33.108.943.385
Khấu hao trong năm	4.094.770.019
<hr/>	
Số dư cuối năm	37.203.713.404
<hr/>	
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	41.475.160.971
Số dư cuối năm	37.380.390.952
<hr/>	

Trong bất động sản đầu tư có các tài sản có nguyên giá 459.667.090 VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (1/1/2018: 459.667.090 VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Giá trị hợp lý bất động sản đầu tư không được xác định bởi vì Công ty không thể thực hiện việc định giá và không có giao dịch thị trường nào gần đây đối với bất động sản tương đồng và tương tự vị trí với các bất động sản đầu tư của Công ty.

12. Xây dựng cơ bản dở dang

	2018 VND	2017 VND
Số dư đầu năm	478.149.698	327.786.187
Tăng trong năm	14.739.693.496	150.363.511
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(3.438.588.112)	-
<hr/>		
Số dư cuối năm	11.779.255.082	478.149.698
<hr/>		

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Dự án nhà văn phòng Vitamas	5.444.003.264	313.164.278
Dự án xe đầu kéo, mi rơ móc North Freight	6.295.251.818	-
Dự án nhà văn phòng VOSA Nha Trang	-	124.985.420
Dự án khác	40.000.000	40.000.000
	11.779.255.082	478.149.698

13. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí trả trước khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	60.814.726.565	87.980.208	923.072.649	61.825.779.422
Tăng trong năm	-	134.400.000	1.502.304.515	1.636.704.515
Phân bổ trong năm	(1.277.988.996)	(84.287.878)	(526.898.024)	(1.889.174.898)
Số dư cuối năm	59.536.737.569	138.092.330	1.898.479.140	61.573.309.039

14. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	31/12/2018		1/1/2018	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty TNHH Iata Việt Nam	6.032.842.269	6.032.842.269	2.040.194.338	2.040.194.338
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	8.202.300.393	8.202.300.393	7.637.542.109	7.637.542.109
Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Tiên Bộ	7.369.540.200	7.369.540.200	8.305.949.527	8.305.949.527
Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh	3.183.195.501	3.183.195.501	1.886.122.864	1.886.122.864
Các nhà cung cấp khác	78.734.243.279	78.734.243.279	89.521.153.155	89.521.153.155
	103.522.121.642	103.522.121.642	109.390.961.993	109.390.961.993

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán

	31/12/2018		1/1/2018	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngắn hạn	103.522.121.642	103.522.121.642	109.390.961.993	109.390.961.993

(c) Phải trả người bán là bên liên quan

	31/12/2018		1/1/2018	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty mẹ				
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	164.448.000	164.448.000	-	-
Các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ				
Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu	-	-	1.770.989.633	1.770.989.633
Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng	766.765.382	766.765.382	394.102.657	394.102.657
Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	1.051.971.032	1.051.971.032	338.894.559	338.894.559
Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh	-	-	61.203.354	61.203.354
Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh	513.807.427	513.807.427	21.175.000	21.175.000
	2.496.991.841	2.496.991.841	2.586.365.203	2.586.365.203

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***15. Thuế và các khoản phải nộp và phải thu Nhà nước****(a) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	1/1/2018 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số đã cân trừ/ Phân loại lại trong năm VND	31/12/2018 VND
Thuế					
Thuế giá trị gia tăng	456.221.936	58.887.526.831	(9.965.297.613)	(48.740.968.943)	637.482.211
Thuế thu nhập doanh nghiệp	632.603.782	9.744.915.395	(8.628.614.388)	-	1.748.904.789
Thuế thu nhập cá nhân	409.993.074	3.571.695.289	(3.458.132.668)	(1.177.432)	522.378.263
Thuế nhà đất	-	67.118.620	(67.118.620)	-	-
Tiền thuế đất	1.146.364.792	1.599.138.669	(879.422.416)	(356.836.253)	1.509.244.792
Các loại thuế khác	8.536.223.783	40.657.359.037	(40.682.835.995)	-	8.510.746.825
Nghĩa vụ khác					
Nghĩa vụ phải trả	-	1.514.784.306	(1.514.784.306)	-	-
	11.181.407.367	116.042.538.147	(65.196.206.006)	(49.098.982.628)	12.928.756.880

(b) Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	1/1/2018 VND	Số đã nộp trong năm VND	Số đã cân trừ trong năm VND	31/12/2018 VND
Thuế				
Thuế thu nhập cá nhân	37.482.249	516.666	(1.177.432)	36.821.483
Tiền thuế đất	356.836.253	-	(356.836.253)	-
Nghĩa vụ khác				
Nghĩa vụ phải thu	-	1.000.000	-	1.000.000
	394.318.502	1.516.666	(358.013.685)	37.821.483

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

16. Các khoản phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2018	1/1/2018
	VND	VND
Tiền nhận để trả hộ cho các hãng tàu	69.379.493.472	73.717.585.961
Ký ngân của các hãng tàu	18.163.594.717	17.773.263.556
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	11.974.372.742	6.798.982.731
Giữ hộ tiền của Công ty TNHH SYMS Việt Nam	3.737.387.440	3.737.387.440
Kinh phí công đoàn	1.001.818.293	1.378.837.956
Cổ tức phải trả	503.258.335	519.175.835
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	59.320.844	20.210.492
Phải trả khác	474.277.577	531.666.411
	105.293.523.420	104.477.110.382

Phải trả khác cho các bên liên quan như sau:

	31/12/2018	1/1/2018
	VND	VND
Các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ		
Công ty Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam	-	589.302.499
Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn	-	200.093.873

(b) Phải trả dài hạn khác

	31/12/2018	1/1/2018
	VND	VND
Nhận tiền ký quỹ cho thuê kho bãi	750.763.838	1.698.763.838
Nhận tiền ký quỹ cho thuê văn phòng tại Ocean Park từ Europac Shipping	30.787.596	30.787.596
Phải trả khác	20.000.000	-
	801.551.434	1.729.551.434

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông của Công ty. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2018	2017
	VND	VND
Số dư đầu năm	7.444.921.637	8.459.486.326
Trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối (thuyết minh 19)	6.128.080.883	5.344.941.620
Sử dụng trong năm	(5.972.626.363)	(6.359.506.309)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	7.600.376.157	7.444.921.637

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông của Công ty ngày 31 tháng 5 năm 2018 đã quyết định trích quỹ khen thưởng, phúc lợi 6.128.080.883 VND (2017: 5.344.941.620 VND) từ lợi nhuận chưa phân phối.

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Vay	(a) Vay ngắn hạn	1/1/2018		Biến động trong năm		31/12/2018	
		Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
	Vay cán bộ công nhân viên (*)	-	-	2.668.889.940	(2.668.889.940)	-	-
	Vay dài hạn đến hạn trả (thuyết minh 18(b))	96.000.000	96.000.000	201.000.000	(141.000.000)	156.000.000	156.000.000
		96.000.000	96.000.000	2.869.889.940	(2.809.889.940)	156.000.000	156.000.000

(*) Khoản vay tín chấp của cán bộ công nhân viên Đại lý Vận tải Quốc tế phía Bắc (North Freight) theo Quyết định số 62/QĐ-NF ngày 30 tháng 3 năm 2018 nhằm phục vụ sản xuất kinh doanh tại chi nhánh. Khoản vay này có thời hạn 9 tháng, đáo hạn ngày 31 tháng 12 năm 2018 và không chịu lãi.

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Vay từ Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Định (i)	VND	8,6%	2023	255.000.000	-
Vay từ Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa (ii)	VND	8,68%	2022	344.000.000	440.000.000
				599.000.000	440.000.000
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng (thuyết minh 18(a))				(156.000.000)	(96.000.000)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng				443.000.000	344.000.000

- (i) Khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Định theo Hợp đồng tín dụng số 191NHNT-BĐ với hạn mức vay là 300.000.000 VND. Khoản vay này có thời hạn 5 năm, lãi suất 8,6%/năm. Khoản vay ngân hàng được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ là 651.679.771 VND (1/1/2018: không) (thuyết minh 9).
- (ii) Khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa theo Hợp đồng tín dụng số ATLS17/DLHH/TOY với hạn mức vay là 480.000.000 VND. Khoản vay này có thời hạn 5 năm, lãi suất 8,68%/năm. Khoản vay ngân hàng được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ là 600.878.567 VND (1/1/2018: 710.129.219 VND) (thuyết minh 9).

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	116.500.000.000	91.269.882.762	12.921.703.776	85.512.804.801	306.204.391.339
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	44.634.432.187	44.634.432.187
Trích các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu (thuyết minh 22)	-	15.653.647.835	1.341.741.243	(16.995.389.078)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (thuyết minh 17)	-	-	-	(5.344.941.620)	(5.344.941.620)
Chia cổ tức (thuyết minh 21)	-	-	-	(17.475.000.000)	(17.475.000.000)
Chia cổ tức bằng phát hành cổ phiếu	11.649.940.000	-	-	(11.649.940.000)	-
Sử dụng các quỹ	-	-	(602.000.000)	-	(602.000.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	128.149.940.000	106.923.530.597	13.661.445.019	78.681.966.290	327.416.881.906
Phát hành cổ phiếu	12.814.920.000	(12.814.920.000)	-	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	51.589.631.900	51.589.631.900
Trích các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu (thuyết minh 22)	-	8.920.425.768	1.338.063.865	(10.258.489.633)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (thuyết minh 17)	-	-	-	(6.128.080.883)	(6.128.080.883)
Chia cổ tức (thuyết minh 21)	-	-	-	(25.629.988.000)	(25.629.988.000)
Sử dụng các quỹ	-	-	(752.921.318)	-	(752.921.318)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	140.964.860.000	103.029.036.365	14.246.587.566	88.255.039.674	346.495.523.605

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

20. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2018		1/1/2018	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành	14.096.486	140.964.860.000	12.814.994	128.149.940.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	14.096.486	140.964.860.000	12.814.994	128.149.940.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Vào ngày 6 tháng 8 năm 2018, Công ty phát hành thêm 1.281.492 cổ phiếu với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu từ quỹ đầu tư phát triển. Công ty đã cập nhật thay đổi vốn điều lệ trên Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0300437898 ngày 20 tháng 9 năm 2018.

Biến động trong năm của vốn cổ phần đã phát hành như sau:

	2018		2017	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	12.814.994	128.149.940.000	12.814.994	128.149.940.000
Phát hành cổ phiếu theo mệnh giá bằng quỹ đầu tư phát triển	1.281.492	12.814.920.000	-	-
Số dư cuối năm	14.096.486	140.964.860.000	12.814.994	128.149.940.000

21. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 31 tháng 5 năm 2018, Đại hội đồng cổ đông đã quyết định phân phối khoản cổ tức 25.629.988.000 VND (2.000 VND trên một cổ phiếu) (2017: 17.475.000.000 VND (1.500 VND trên một cổ phiếu)).

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

22. Các quỹ khác thuộc nguồn vốn chủ sở hữu

(a) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

(b) Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, số dư các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu bao gồm quỹ dự trữ tăng vốn điều lệ 11.650.000.000 VND (1/1/2018: 11.650.000.000 VND) và quỹ đối ngoại phát triển kinh doanh 2.596.587.566 VND (1/1/2018: 2.011.445.019 VND).

23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Ngoại tệ

	31/12/2018		1/1/2018	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	2.880.559	66.670.546.268	2.396.053	54.306.540.960
		66.670.546.268		54.306.540.960

(b) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Trong vòng một năm	10.236.864.640	5.677.013.115
Từ hai đến năm năm	20.696.811.225	13.711.023.967
Sau năm năm	40.928.282.370	42.764.648.534
	71.861.958.235	62.152.685.616

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

24. Doanh thu cung cấp dịch vụ và bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ và bán hàng thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	2018 VND	2017 VND
Doanh thu đại lý vận tải	571.078.323.376	524.911.764.004
Doanh thu cho thuê kho bãi	129.379.898.597	111.540.730.420
Doanh thu đại lý tàu rời	57.030.064.974	60.871.607.491
Doanh thu cho thuê phương tiện	47.614.616.748	50.594.623.204
Doanh thu dịch vụ khác	40.402.192.597	33.870.295.914
Doanh thu đại lý liner	27.533.693.724	25.800.528.011
Doanh thu kiểm kiện	26.726.437.630	20.063.627.194
Doanh thu cung cấp dịch vụ tàu	15.038.568.330	22.373.304.785
Doanh thu bán hàng	-	14.296.151.471
	914.803.795.976	864.322.632.494

25. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	2018 VND	2017 VND
Hàng hoá đã bán	-	9.473.732.144
Chi phí nhân công	67.370.617.344	72.227.407.938
Chi phí khấu hao	9.039.167.680	8.902.729.961
Chi phí dịch vụ mua ngoài	716.184.138.177	652.142.339.111
Chi phí khác	29.868.627.989	29.901.997.952
	822.462.551.190	772.648.207.106

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	2018 VND	2017 VND
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính	33.614.278.818	1.725.962.156
Cổ tức và lợi nhuận được chia	16.653.125.329	16.635.687.013
Lãi tiền gửi	6.260.315.031	4.366.466.072
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	3.279.187.311	2.922.714.925
	59.806.906.489	25.650.830.166

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

27. Chi phí tài chính

	2018 VND	2017 VND
Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính	2.279.939.412	1.228.128.457
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	1.434.509.565	1.270.352.983
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	159.512.859	52.704.104
Chi phí lãi vay	55.996.272	17.576.881
Chi phí tài chính khác	399.498.058	3.497.753
	4.362.890.560	2.572.260.178

28. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2018 VND	2017 VND
Chi phí nhân công	48.415.298.295	28.657.868.323
Chi phí khấu hao	2.847.990.415	2.781.209.578
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.164.110.231	24.917.869.239
Chi phí khác	11.847.714.479	12.792.325.690
	85.275.113.420	69.149.272.830

29. Thu nhập khác

	2018 VND	2017 VND
Xóa sổ khoản vay dài hạn	-	6.591.420.000
Lãi do thanh lý tài sản cố định	336.454.545	1.024.976.379
Các khoản khác	70.541.917	171.003.396
	406.996.462	7.787.399.775

30. Chi phí khác

	2018 VND	2017 VND
Các khoản bị phạt	1.572.692.875	1.306.740.976
Các khoản khác	9.903.587	69.265.160
	1.582.596.462	1.376.006.136

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

31. Chi phí kinh doanh theo yếu tố

	2018	2017
	VND	VND
Chi phí nhân công	115.785.915.639	100.885.276.261
Chi phí khấu hao	11.887.158.095	11.683.939.539
Chi phí dịch vụ mua ngoài	738.348.248.408	677.060.208.350
Chi phí khác	41.716.342.468	42.694.323.642
Chi phí mua hàng hóa để bán lại	-	9.473.732.144

32. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2018	2017
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	6.527.857.806	7.380.683.998
Dự phòng thiếu trong những năm trước (*)	3.217.057.589	-
	9.744.915.395	7.380.683.998

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2018	2017
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	61.334.547.295	52.015.116.185
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	12.266.909.459	10.403.023.237
Chi phí không được khấu trừ thuế	413.907.213	442.874.595
Thu nhập không bị tính thuế	(6.145.107.790)	(3.465.213.834)
Dự phòng thiếu trong những năm trước (*)	3.217.057.589	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	(7.851.076)	-
	9.744.915.395	7.380.683.998

(*) Theo Quyết định số 1706/QĐ-CT về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế ngày 23 tháng 4 năm 2018 của cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh.

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất thông thường. Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20% (2017: 20%).

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

33. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ theo kế hoạch vào quỹ khen thưởng và phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo là 6.240.000.000 VND (2017: 6.128.080.883 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 14.096.486 cổ phiếu (2017: 14.096.486 cổ phiếu), chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2018	2017
	VND	VND
Lợi nhuận thuần trong năm	51.589.631.900	44.634.432.187
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (kế hoạch)	(6.240.000.000)	(6.128.080.883)
	45.349.631.900	38.506.351.304

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2018	2017
		(đã điều chỉnh lại)
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm trước mang sang	12.814.994	12.814.994
Ảnh hưởng của số cổ phiếu thưởng phát hành	1.281.492	1.281.492
	14.096.486	14.096.486

(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2018	2017
	VND	VND
		(đã điều chỉnh lại)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.217	2.732

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng nên việc trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

34. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2018	2017
	VND	VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam		
Cổ tức phải chia	13.085.160.000	8.921.700.000
Cổ tức đã trả	-	4.500.000.000
Chi phí thuê văn phòng	1.615.094.692	1.217.081.633
Tiền điện phải trả	74.100.799	30.372.611
Chi phí dịch vụ phải trả	-	679.591.114
Các bên liên quan khác		
Công ty TNHH NYK Auto Logistics (Việt Nam)		
Góp vốn	-	4.458.000.000
Công ty Cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam		
Cổ tức được chia	35.000.000	35.000.000
Doanh thu cho thuê văn phòng	-	27.639.893
Doanh thu cung cấp dịch vụ	67.320.000	66.000.000
Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng		
Chi phí dịch vụ phải trả	101.983.782	322.255.870
Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	162.795.000
Chi phí dịch vụ phải trả	32.179.018	3.587.603.996
Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	108.305.098	546.973.198
Chi phí dịch vụ phải trả	1.565.870.785	-
Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	15.472.727	-
Công ty Cổ phần Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam		
Chi phí dịch vụ phải trả	-	12.727.273
Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh		
Chi phí dịch vụ phải trả	439.980.440	-

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2018 VND	2017 VND
Công ty Vận tải biển Container Vinalines Chi phí dịch vụ phải trả	-	19.220.044
Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh Chi phí dịch vụ phải trả	334.581.124	51.457.603
Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn Chi phí dịch vụ phải trả	68.860.148	834.812.326
Chi phí thuê mặt bằng	96.000.000	-
Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ Chi phí dịch vụ phải trả	896.600	143.448.440
Công ty Cổ phần Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam (Vitranschart) Doanh thu cung cấp dịch vụ	12.727.273	-
Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu Chi phí dịch vụ phải trả	-	210.002.336
Công ty TNHH Vận tải hàng Công nghệ cao Doanh thu cung cấp dịch vụ	8.941.350	6.022.500
Công ty TNHH Yusen Logistic Việt Nam Cổ tức được chia	15.674.468.059	-
Yusen Logistic Singapore Cổ tức được chia	911.000.000	-
Công ty Liên doanh Bông Sen Cổ tức được chia	22.860.089	-
Tái đầu tư	9.797.181	-
Thành viên Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị Tiền lương	4.742.940.223	4.725.984.657
Phụ cấp	603.769.000	785.128.000
Thưởng	595.150.904	651.788.307

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

35. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	2018	2017
	VND	VND
Chia cổ tức bằng phát hành cổ phiếu	-	11.649.940.000
Phát hành cổ phiếu từ quỹ đầu tư, phát triển	12.814.920.000	-
Xây dựng cơ bản dở dang chưa thanh toán	1.382.336.713	-
Lợi nhuận được chia vốn hóa vào giá gốc khoản đầu tư	9.797.181	10.134.477

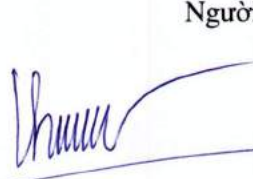
36. Số liệu so sánh


Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2018 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ngày 29 tháng 3 năm 2019

Người lập:

Người duyệt:


 Nguyễn Lương Huy
 Kế toán tổng hợp


 Võ Trung Thắng
 Phó ban Tài chính Kế toán


 Vũ Xuân Trung
 Tổng Giám đốc

